

Lời mở đầu

Nhà Đông Hán và Tây Hán thống nhất Trung Hoa trong một thời gian dài. Cuối đời Hán, tầng lớp cai trị thối nát, hoạn quan chuyên quyền, khởi nghĩa Khăn Vàng là một đòn chí mạng giáng vào nhà Hán. Lịch sử Trung Hoa rơi vào thời kì rối ren, chia cắt liên tiếp từ thời Tam Quốc, Lương Tấn đến Nam Bắc triều. Đầu tiên là thế chân vạc Tam Quốc phân nước ra làm ba (Ngụy - Thục - Ngô), rồi Tây Tấn mặc dù thống nhất được giang sơn trong thời gian ngắn ngủi nhưng tới Đông Tấn, lịch sử lại rơi vào vũng bùn trước đó. Phương Bắc chiến trận liên miên, còn phương Nam tương đối ổn định, chế độ sĩ tộc* cũng được hình thành và phát triển.

** Dòng dõi học hành làm quan. Thời Nam Bắc triều coi trọng quan quyền, các nhà có người làm quan trở thành một giai cấp có nhiều đặc quyền, đặc lợi hơn thứ dân.*





Trong giai đoạn này, kinh tế Giang Nam phát triển vượt trội, đặt nền móng cho phương Nam cường thịnh. Cùng lúc đó, khoa học kĩ thuật cũng phát triển, Phật giáo được du nhập vào Trung Hoa và bắt đầu thịnh hành, từ tầng lớp thống trị tới dân thường đều tin vào Phật giáo, nhờ đó văn hóa Phật giáo được truyền bá rộng rãi.

Lịch sử phát triển của Trung Hoa luôn có khuynh hướng chia rồi lại hợp, khi chia cắt vẫn “hoài thai” mầm mống thống nhất. Dân chúng giao lưu hòa hợp ngày một nhiều, đặc biệt là cải cách của Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế đã tăng cường sự hòa hợp dân tộc ở phương Bắc, cùng tập trung sản xuất và đoàn kết một lòng. Kinh tế Giang Nam cũng phát triển vượt bậc và dần dần bắt kịp phương Bắc. Chính những điều kiện này đã đặt nền móng cơ sở vật chất cho sự thống nhất toàn quốc. Cuối Nam Bắc triều, chế độ sĩ tộc suy vong, sự đối chọi giai cấp cũng được hóa giải.

Thời Tùy Đường là giai đoạn quan trọng trong lịch sử thống nhất các dân tộc. Về chính trị, chế độ tam tỉnh lục bộ, khoa cử và binh phủ được thực thi, tăng cường trung ương tập quyền*, những biện pháp này giúp ổn định chính trị. Về kinh tế, chế độ “Tô, Dung, Điều” và chế độ quân điền được đẩy mạnh, thúc đẩy kinh tế phong kiến phổ biến. Thời kì Trinh Quan thịnh trị và Khai Nguyên thịnh trị chính là minh chứng rõ ràng nhất. Triều đình áp dụng nhiều chính sách minh bạch, giải quyết mối quan hệ giữa các dân tộc bằng phương pháp hòa bình. Nhờ đó, Tùy Đường tiến bộ về kinh tế, chính trị và văn hóa. Đây cũng là lúc Trung Hoa bành trướng lãnh thổ, mở rộng cương vực.

* Chính quyền tập trung vào chính phủ trung ương.



Chính trị ổn định, kinh tế hưng thịnh, giao thông thuận tiện, đã tạo điều kiện cho giao lưu văn hóa Đông Tây phát triển. Thời kì Tùy Đường hình thành vành đai văn hóa Trung Hoa với Trường An làm trung tâm, thành tựu văn hóa rực rỡ thu hút và lan tỏa sang cả các nước lân cận. Con đường tơ lụa và việc Huyền Trang đi thỉnh kinh được ca tụng mãi về sau. Nhiều thành tựu của các nền văn minh ngoại lai cũng được truyền bá vào Trung Hoa, làm phong phú thêm đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Cùng lúc đó, kĩ thuật làm giấy của Trung Hoa được truyền bá ra nước ngoài, mang tầm ảnh hưởng sâu rộng và cống hiến lớn lao đối với kinh tế, văn hóa các nước.

Thế nhưng đến cuối đời, vua Đường Huyền Tông xa xỉ, trác táng, bỏ bê triều chính, sủng ái Dương Quý Phi, trọng dụng gian thần. Loạn An Sử là một bước ngoặt thời Đường từ hưng thịnh đến thoái trào. Sau loạn An Sử, triều chính ngày một sa sút, các phiên trấn cát cứ*, ở trong triều hoạn quan chuyên quyền, kết bè kết đảng. Các cuộc khởi nghĩa nông dân cuối nhà Đường đã đặt dấu chấm hết cho một vương quốc đã từng xưng hùng xưng bá trên thế giới.

* Chia cắt lãnh thổ để chiếm giữ và lập chủ quyền riêng, không phục tùng chủ quyền trung ương.

Chương 1: *Thế chân vạc Tam Quốc*

Nội dung chính:

Khởi nghĩa Khăn Vàng

Cuối đời Đông Hán, triều đình thối nát, dân chúng sống trong bể khổ lầm than, dẫn tới cuộc khởi nghĩa Khăn Vàng bùng nổ.

Gia Cát Lượng xuống núi

Lưu Bị bấy giờ là người có chí lớn, mặc dù đã có Quan Vũ, Trương Phi trợ giúp nhưng vẫn thiếu một quân sư mưu trí vô song. Nghe tiếng Gia Cát Lượng thần mưu diệu kế, nên Lưu Bị đã ba lần đến lều cỏ cầu kiến, mời bằng được Gia Cát Lượng xuống núi.

Thế chân vạc Tam Quốc

Sau đại chiến Xích Bích, Trung Hoa hình thành ba nước thế chân vạc là Ngụy, Thục, Ngô.

Tam Quốc quy Tấn

Sau khi Gia Cát Lượng mất do bạo bệnh, nước Thục suy tàn rồi bị diệt vong. Không lâu sau đó, triều đại nhà Tấn ra đời, hợp nhất Trung Hoa đang chia năm xẻ bảy thành một mối.



Khởi nghĩa Khán Vàng

Thế kỉ 1 TCN, triều đình nhà Hán do Hán Cao Tổ Lưu Bang gây dựng rơi vào giai đoạn hỗn loạn, cuối cùng Lưu Tú xây dựng triều đình mới, lịch sử gọi là Đông Hán, còn nhà Hán do Lưu Bang thành lập gọi là Tây Hán. Hai nhà Hán cùng thống trị Trung Quốc hơn 400 năm.

Khoảng năm 100, triều đình nhà Đông Hán rơi vào tay hoạn quan.

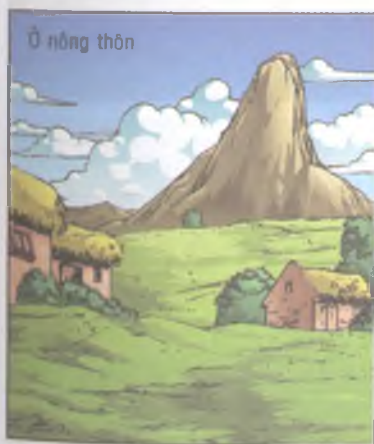


HOÀNG
THƯỢNG
CHẴNG MẶNG
TỚI TRIỀU
CHÍNH

HOẠN QUAN

HA HA HA,
THỂ THÌ
CHÚNG TA
MỚI CÓ
QUYỀN SINH
QUYỀN SÁT
TRONG TAY
CHỨ!







* Xuất hiện cuối thời Đông Hán, do Trương Giác sáng lập, cũng là tiền thân của khởi nghĩa Khán Vàng.

TRIỆU ĐÌNH MỤC RỪNG
THỜI NÁT, CHÚNG TA HÃY
ĐỨNG LÊN LẬT ĐỔ
NHÀ HÁN!

Năm 184, thủ lĩnh Thái Bình
đạo Trương Giác lãnh đạo các tín
đồ khởi nghĩa.

CHÚNG TA TIN
VÀO HOÀNG
THIÊN.

Cuộc khởi nghĩa của
Trương Giác nhận được sự
ủng hộ của nhân dân, đất
nước bắt đầu biến động.

CÁC HUYNH ĐỆ
BẰNG HỮU HÃY THẮT
KHĂN VÀNG TRÊN ĐẦU.
KHĂN VÀNG CHÍNH
LÀ BIỂU TƯỢNG CỦA
CHÚNG TA.



Bởi vì những người
nổi dậy thất khân vàng
trên đầu nên lịch sử gọi
là khởi nghĩa Khân Vàng.

**GIẾT CHẾT
LỮ QUAN
Ổ LẠI!**

**CHÚNG TA SẼ
MỞ RA THỜI ĐẠI
THÁI BÌNH!**

Người sáng lập ra Thái Bình đạo là Trương Giác, đạo có tới 300.000 tín đồ, nổi dậy khởi nghĩa vào năm 184. Trên lá cờ của Thái Bình đạo viết: "Trời xanh (chỉ triều đình nhà Hán) đã tàn, Hoàng Thiên (chỉ vị thần công bình chính trực) lên thay, nhằm năm Giáp Thìn, Thiên hạ thái bình".

Mặc dù sau khi Trương Giác mất, Thái Bình đạo ngày càng suy yếu, nhưng triều đình mục nát, chiến tranh liên miên, dân chúng lầm than, cho nên rất nhiều người không theo đạo cũng tham gia khởi nghĩa làm nhà Hán điêu đứng, ngày sụp đổ không còn xa.





LỮ GIẶC
KHĂN VÀNG,
DẮM THAY TRỜI
HÀNH ĐẠO?
CHÚNG BAY LÀM
ĐẤT NƯỚC LOẠN
LẠC THÌ CÓ!



LOẠN LẠC
CHIẾN TRANH
THÌ GỌI GÌ
LÀ THÁI BÌNH
THỊNH TRỊ?





Trong truyện này, cuộc gặp gỡ giữa Đồng Trắc và Lưu Bị, Quan Vũ, Trương Phi là hư cấu.



DÁM HỎI TƯỚC
VỊ TRONG
QUÂN CỦA
BA VỊ ANH
HÙNG?

KHÔNG, CHÚNG
TÔI CHỈ LÀ
THƯỜNG DÂN ÁO
VẢI TÔI GIÚP ĐẸP
GIẤC KHĂN
VẮNG THÔI.

CHÚNG TÔI
KHÔNG CÓ
CHỨC VỊ
GÌ!

HẢ? KHÔNG
CÓ TƯỚC VỊ
SAO?

CHỈ CẦN MẤY
KẸ CÒN CHƯA
MẶC GIÁP CỦA
LÍNH QUÂN MÀ
CÓNG ĐẸP YÊN
ĐƯỢC. HỪ!

THẬT
HOANG
ĐƯỜNG!

BỐN TƯỚNG
ĐÚNG LÀ PHÍ
CÔNG SỨC VỚI
TÊN TRƯỞNG
GIÁC.

NGƯỜI
NÓI GÌ?

TAM ĐỆ,
ĐỪNG
NÓNG!

KẸ NHƯ
VẬY MÀ
CÓNG LÀM
MỆNH QUAN
TRIỆU ĐÌNH
SAO?





Không lâu sau, thủ lĩnh của khởi nghĩa Khán Vương qua đời, thành thế cuộc khởi nghĩa dần suy yếu, cuối cùng bị tiêu diệt. Nhưng đây là đòn giáng mạnh vào nhà Đông Hán.



Giã Cát Lượng xuống núi



Năm 189, Hán Linh Đế băng hà, triều đình bắt đầu cuộc chiến tranh giành vương vị.



Năm 190, Đổng Trác vì có công dẹp giặc Khán Vương nên nắm trọng trách và binh quyền trong tay. Hán mậu không dám chống và lòng đoàn triều chính, rồi tự mình lập Lưu Hiệp* mới 9 tuổi lên làm hoàng đế.

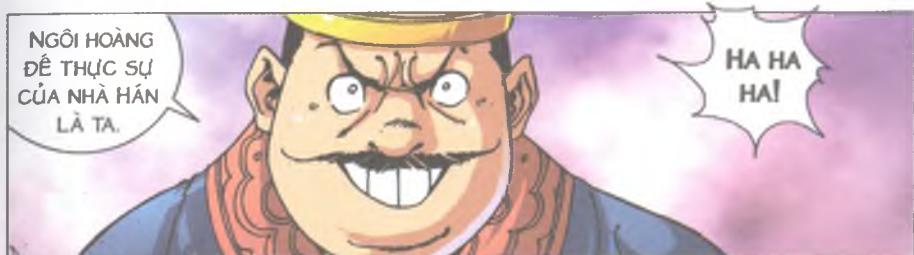


TỪ NAY VỀ SAU
TA SẼ PHỤ CHÍNH
CHO HOÀNG ĐẾ
XỬ LÝ CÁC CÔNG
VIỆC TRIỀU
CHÍNH.

ĐỒNG TRÁC

HÁN
HIẾN
ĐẾ

* Con thứ của Linh Đế. Sau khi Linh Đế mất, con trưởng là Lưu Biện kế thừa ngôi vị, hiệu là Thiếu Đế. Sau khi Thiếu Đế qua đời, Lưu Hiệp lên thay, hiệu là Hiến Đế.





ĐỒNG TRÁC
LÙNG ĐOẠN
TRIỀU CHÍNH,
CHẴNG NHỀ
CHÚNG TÀ LẠI
KHOANH TAY
ĐỨNG NHÌN?

PHẢI HỢP SỨC
MỖI TIÊU DIỆT
HẦN.

CHÚNG TA
ĐÃ CÓ 350.000
NGƯỜI NGỰA.

Tào Tháo và một tướng của
nhà Hán tên là Viên Thiệu*
cùng liên thủ thảo
phạt Đồng Trác.

TÀO THÁO DẪN THEO
ĐẠI QUÂN TIỀN VỀ
LẠC DƯƠNG.

THÀNH BỐ LẠC DƯƠNG



BẮM THỪA TƯỚNG,
KHÔNG XONG RỒI
QUÂN PHẢN LOẠN
ĐÃ TIỀN SÁT TỚI
CHÂN THÀNH.

CÁI GÌ?



* Những năm cuối Đông Hán, quân sĩ ở các địa phương liên minh với nhau thảo phạt Đồng Trác. Trong đó, đạo quân mạnh nhất là của Viên Thiệu, vì thế Viên Thiệu được bầu làm minh chủ.



Đặng Trắc không chỉ phóng hỏa đốt Lạc Dương,
mà còn cho khai quật mộ của vương thất, ăn trộm
hết vàng bạc châu báu, rồi mới chuyển về Trường An.





Kinh đô Lạc Dương biến thành tro bụi...

TRIỀU HÁN
SẮP TÀN
RỒI!

Ồ, NGAY CẢ
THÀNH LẠC
DƯƠNG CÒN
THỂ NÀY!



ĐỒNG LÃO
TẶC, MAU RA
ĐÂY!

Sau khi chuyển tới Trường An, những
thuộc hạ bất mãn với Đông Trác nhàn có
hội làm phản.



HÔM NAY
TA PHẢI
TRỪ HẠI
CHO DÂN!

LÃ BÔ,
NGƯỜI MUỐN
GÌ?



La Bô giết chết Dổng Trác.



DÔNG TRÁC
CHẾT RỒI!
CHẾT THẬT
RỒI!

HAY LẮM!
VẠN TUỆ!



Sau khi Dổng Trác chết, Tào Tháo
và Viên Thiệu trở mặt thành thù.



TỪ NAY THIÊN
TỬ SẼ Ở ĐÂY.
HỨA XƯƠNG ĐỔI
THÀNH HỨA ĐỒ.
THẦN SẼ BẢO
VỆ BỆ HẠ.

Năm 196, Tào Tháo đưa Hiến Đế về
Hứa Xương, rồi nhân cơ hội này mượn
danh thiên tử hiệu triệu chư hầu.



Năm 200, Tào Tháo và Viên Thiệu quyết đấu ở trận Quan Độ.

GIẾT!

GIẾT!





Trong lúc đó, Lưu Bị dẫn theo Quan Vũ và Trương Phi lưu lạc khắp nơi.

ỨC THẬT!
LẠI ĐỂ CHO
TÊN TÀO
THÁO ĐÓ
ĐOẠT TRƯỚC!

ĐỀU DO HUYNH
BẮT TÀI KHÔNG
THỂ DẪN HAI
HIỀN ĐỆ LẬP
NÊN NGHIỆP
LỚN...

KHÔNG
PHẢI LÀ LỖI
CỦA ĐẠI
CA.

ĐẠI CA,
ĐỂ KHÔNG
CÓ Ý ĐỐI!

CÓ TRÁCH THÌ
NÊN TRÁCH BA
HUYNH ĐỂ TA
XUẤT THÂN TÂM
THƯỜNG, KHÔNG
NHƯ TÀO THÁO
LÀ CON CHÁU
DANH GIA
VỌNG TỘC.

CHỈ CẦN
CỐ GẮNG,
NHẤT ĐỊNH
CHÚNG TA SẼ
THÀNH CÔNG.

DƯƠNG
NHÌEN.



Lưu Bị làm thành chủ thành
Tân Đà* ở Kinh Châu, ngày đêm
ngâm tích trữ lương thảo, rèn
giáo binh 11.



Thành Tân Đà,
Kinh Châu



CUNG
NGHÊNH
LƯU ĐẠI
NHÂN.

CUNG
NGHÊNH!



BẢO VỆ BÁCH
TÍNH, GIỮ YÊN
CỤC DIỆN, CHÍNH
LÀ TRÁCH NHIỆM
CỦA CHÚNG
TÔI.

CUNG
NGHÊNH LƯU
ĐẠI NHÂN TÔI
BỐN THÀNH!



Lưu Bị cho giám
các loại thuế khóa.



NHÂN DÂN BÁCH
TÍNH TRONG THÀNH
ĐỀU YÊU QUÝ
ĐẠI CA.

HA HA, VÀO THỜI
LOẠN, NHỮNG THÀNH
CHỦ HIỆN ĐỨC NHƯ
ĐẠI CA THẬT
HIỂM GẬP.

*Là tòa thành nằm ngay sát với lãnh địa mà Tào Tháo quân hạt.



NHƯNG NƠI NÀY
NHỎ QUÁ, SAU NÀY
PHẢI MỞ RỘNG
HƠN CHỨ!



TAM ĐỀ
ĐỪNG NÓNG
VỘI CHÚNG
TA CÒN
THIẾU MỘT
THỨ.



BÀ HUYNH
ĐỀ CHÚNG
TA CÒN
THIẾU GÌ?



RÚT CUỘC
THIẾU GÌ
NHÌ?



Lúc này, Tào Tháo đang ở Hứa Đô.



DƯỚI TRƯỞNG
LƯU BỊ TUY
CÓ QUAN VŨ,
TRƯỞNG PHI LÀ
TƯỚNG GIÓI.

NHƯNG LẠI
THIẾU MỘT QUÂN
SƯ TIN CẦN ĐỂ
HOẠCH ĐỊNH KẾ
SÁCH.



NẾU NHƯ LƯU BỊ
MỜI ĐƯỢC QUÂN SỰ,
THÌ SẼ THÀNH TẢNG
ĐÁ NGÁNG ĐƯỜNG
THỐNG LĨNH THIÊN
HẠ CỦA TA.



Sáu năm sau... Lưu Bị dẫn theo
Quan Vũ và Trương Phi đi tìm hiền sĩ
bất kể mưa gió tuyết sương.

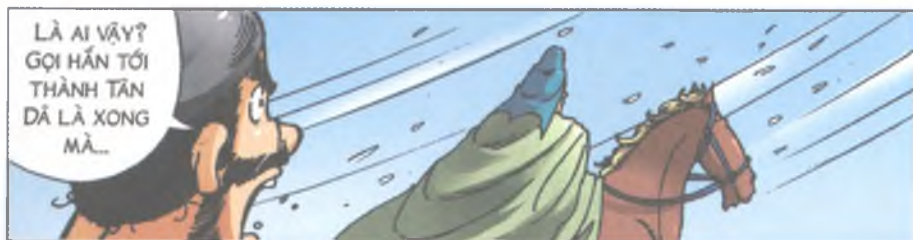


ĐẠI CA, TUYẾT
LỚN THỂ NÀY,
CHÚNG TA QUAY
VỀ THÔI.



TAM ĐỆ, ĐỪNG
NHIỀU LỜI NỮA,
CHÚNG TA ĐANG
ĐẾN CẦU KIẾN
MỘT CAO
NHÂN.

LÀ AI VẬY?
GỌI HÃN TỚI
THÀNH TẤN
DẤ LÀ XONG
MÀ...



TAM ĐỆ, LẦN NÀY
CHÚNG TA TỐI BẠI KIẾN
MỘT THIÊN TÀI QUÂN
SỰ TRĂM NĂM CÓ
MỘT.



Ba huynh đệ tìm kiếm người họ
Gia Cát, tên Lượng, tự Khổng Minh,
mọi người đều gọi là Ngọa Long
tiên sinh.



CHÚNG TÔI
TỐI XIN GẶP
NGỌ LONG
TIÊN SINH.



HẮN KHÔNG Ở
NHÀ SAO? ĐÃ
LÀ LẦN THỨ
HAI RỒI.



TÊN ĐÓ
ĐỊNH GIÓN
MẶT CHÚNG
TA CHẮC?

TAM ĐỆ
KHÔNG
ĐƯỢC
VÔ LỄ.







TƯỚNG QUÂN
CÓ Ý CẦU HIỂN, TA
RẤT CẢM ĐỘNG. XIN
ĐƯỢC BÀN ĐỔI CHỨT
VỀ THỜI THỂ VÀ
THIÊN HẠ.

TÀO THẢO

LƯU BỊ

TÔN QUYỀN

TẠO THỂ
CHÂN
KIẾNG?

ĐÚNG THỂ, SAU
ĐÓ LIÊN KẾT
VỚI TÔN QUYỀN
THẢO PHẠT TÀO
THẢO, RỒI MỚI
TÍNH CHUYỆN
THỐNG NHẤT
THIÊN HẠ.

ĐẦU TIÊN, CHÚNG TA
PHẢI GIỮ CHO KÌ ĐƯỢC KINH
CHÂU VÀ ÍCH CHÂU, TẠO RA
THỂ CHÂN KIẾNG. BẮC CỦA TÀO
THẢO, NAM CỦA TÔN QUYỀN,
ĐẤT THỰC LÀ CĂN CỨ CỦA TA.





Mãi được Gia Cát Lượng, Lưu Bị đã đạt được
bước đầu tiên để thống nhất giang sơn.



Thế chân vạc Tam Quốc

Năm 208, Tào Tháo đưa quân xuống
phía Nam để phát Ngã Thục.



Gia Cát Lượng đích thân tới Giang Đông
cầu kiến Tôn Quyền.



NAY TÀO THÁO
DẪN BINH NAM
TIỀN, CHẮNG NHỀ
NGƯỜI LẠI ĐÀN
LÒNG HAI TAY
DẰNG DẮT ĐẠI
CHO HẮN.



ĐẠI QUÂN TÀO
THÁO GẦN 800.000,
TA E RẰNG KHÔNG
THỂ CHỐNG
ĐỜ NÓI.







* Theo "Tam Quốc chí", trong trận Xích Bích, Hoàng Cái đã hiến kế với đô đốc Chu Du là dùng lửa để công địch. Chu Du tán thưởng và cho thực hiện. Tình tiết trong truyện này lấy từ "Tam Quốc diễn nghĩa", hoàn toàn hư cấu, không phải lịch sử.



Một lát sau, Khổng Minh đang đàn, xin trời
cho đổi hướng gió từ Tây Bắc sang Đông Nam*.



Lúc đó, quân sĩ của Tôn Quyền và Lưu Bị
cùng thuyền có kho đồ lăm sào lên thuyền.



CHÚNG TA CHỈ
CẦN ĐỢI GIÓ
CỦA KHỔNG
MINH LÀ
ĐƯỢC!

THẬT
HẢ?



LIÊU
KHÔNG
MINH CÓ
LÀM NỔI
KHÔNG?

??

CHẮC
CHẴN LÀ
ĐƯỢC!



*Gió đổi hướng thực ra không phải do Gia Cát Lượng cầu khẩn mà là một hiện tượng thiên nhiên. Vào mùa đông
hay có gió Bắc, nhưng sau khi qua một trận đại hàn rét mướt, gió sẽ chuyển hướng Đông Nam hay Nam.



Những chiến thuyền của
Tào Tháo nhanh chóng bị
thuyền lửa của Hoàng Cái
thiêu cháy. Do các thuyền nối
với nhau bằng xích sắt nên
chỉ còn một thuyền cháy, các
thuyền khác cũng bị va lay.
Chỉ một lúc sau, quân Tào bị
đìm trong cả biển lửa.

Thực ra đội quân chủ lực đánh bại
quân Tào là quân Ngô của Tôn Quyền,
chứ không phải quân Thục của Lưu Bị.















Hình bên là tượng Quan Công trong miếu Quan Đế. Sau khi Quan Vũ mất, ông được phong hầu, rồi lần lượt được các thời đời sau truy phong tước hiệu là công, vương, đế, quân, còn được thờ phụng như thần tiên.

Hình tượng Quan Vũ hoàn mĩ, dùng cảm, nhân nghĩa, trung thành, trọng tín là kết tinh sáng tạo và thần thánh hóa của người xưa, có giá trị ảnh hưởng sâu rộng tới người đời sau.



Năm 220, Tào Tháo
lâm bệnh nặng quá đời.



Tháng 10 cùng năm, con trai cả
của Tào Tháo là Tào Phi phế Hiến Đế,
lập nên nhà Ngụy, sử sách gọi là Tào
Ngụy. Triều Hán bị diệt vong.



CHÚA CÔNG,
THỜI CƠ KHÔI PHỤC
NHÀ HÁN, THÔNG
NHẤT THIÊN HẠ
ĐÃ CHÍN MƯỜI.



Năm sau, Lưu Bị ~~đến~~ sang
để ở đất Thục. Ba nước Ngụy,
Thục, Ngô tạo thành thế
chấn vạc.



Tam Quốc quy Tần

HÃY GI CỜ?
TAM DỆ CÙNG
BỊ SÁT HẠI
SAO?

VẮNG, TRƯỞNG
TƯỚNG QUÂN
BỊ THUỘC HẠ
SÁT HẠI

Năm 221, cũng là
năm Lưu Bị xưng đế.

BỊ THUỘC HẠ
CỦA CHÍNH
MÌNH GIẾT
HẠI?...



* Trong "Tam Quốc chí" không ghi lại tình tiết "Kết nghĩa vườn đào".

Lưu Bị không nghe lời
khuyến can của Gia Cát
Lương, vẫn quyết dẫn
binh đánh Ngô.

TÁ PHẢI
BẢO THỦ
CHO CÁC
HUYNH ĐỆ!



XÔNG
LÊN!



Dùng như lời tiên đoán
của Gia Cát Lương, quân
Thục lúc này không phải
đối thủ của quân Ngô.



Quân Thục bị quân Ngô đánh bại. Lưu Bị đành phải
chạy về thành Bạch Đế.



Lưu Thiện đích thực là kẻ bất tài vô dụng, nhà Thục đều trông cậy cả vào Gia Cát Lượng.



BỆ HẠ, ĐÃ ĐẾN LÚC THÔNG NHẤT THIÊN HẠ, ĐỂ AN ỦI LINH HỒN TIÊN ĐỂ RỒI.

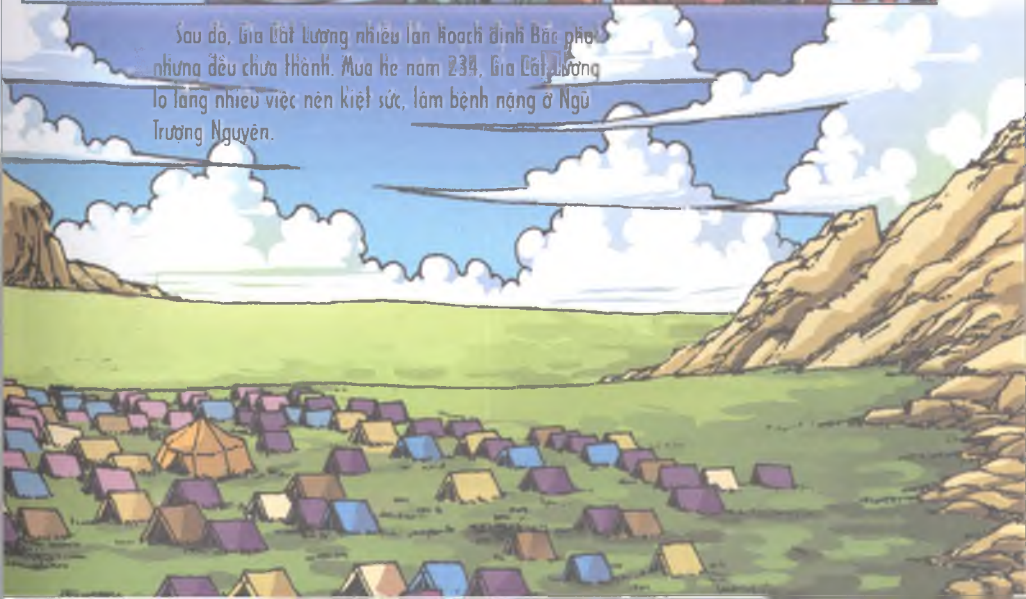


CHÚA CÔNG, NAY THÂN XUẤT BINH ĐỂ CHẤN HƯNG VƯƠNG THẤT NHÀ HÁN.

Năm 227, Gia Cát Lượng tự dẫn quân chuẩn bị tấn công nước Ngụy nhưng không thành công.



Sau đó, Gia Cát Lượng nhiều lần hoạch định Bắc phạt nhưng đều chưa thành. Mùa hè năm 234, Gia Cát Lượng lo lắng nhiều việc nên kiệt sức, lâm bệnh nặng ở Ngũ Trượng Nguyên.



CHÚA CÔNG, XIN NGƯỜI
THA THỨ, THẦN VẤN
CHÚA HOÀN THÀNH
ĐƯỢC ĐI NGUYỄN
CỦA NGƯỜI...



Năm 234, Gia Cát Lượng bệnh nặng qua đời,
hưởng thọ 54 tuổi.



TƯ MÃ ĐẠI NHÂN,
PHÍA DOANH TRẠI
QUÂN THỰC CỎ
SAO BĂNG RẤT
XUỐNG.



Trong quân doanh của Tư Mã?

SAO BĂNG?
KHÔNG LẼ
KHÔNG MINH
MẤT Ứ?



TƯ MÃ Ý,
TƯ
TRỌNG BẬT

KHÔNG MINH
ĐÃ MẤT, CẦN GÌ
PHẢI SỢ QUÂN
THỰC NỮA?



Quân Ngụy nhân cơ hội phản công.



Í? KIA LÀ
GÌ VẬY?



Một cỗ xe ngựa
xuất hiện ngay trước
mặt quân Ngụy.



Á?
ĐÓ LÀ?





ĐỢI DÀI
ĐÓ LÀ
KHÔNG MINH
SAO?



MAU
CHẠY
ĐI!



Gia Cát Lượng cứ ngỡ đã mới
bỗng nhiên xuất hiện ngay trước
mắt quân Ngụy, khiến quân sĩ
hoảng loạn chạy thoát thân.



THỪA TƯỚNG,
DIỆU KÊ CUỐI CÙNG
CỦA NGƯỜI ĐÃ GIÚP
QUÂN TA GIÀNH
THẮNG LỢI.



Người ngồi trong xe thực chất chỉ là
một pho tượng Khổng Minh.



Ông đã sớm đoán được quân Ngụy
sẽ thừa cơ tấn công, nên trước khi lâm
chung đã bày ra một diệu kế, giúp cho
quân Thục giải thế nguy khốn.

Gia Cát Lượng qua đời, quân Thục rút lui an toàn,
câu danh ngôn "Gia Cát chết vẫn dọa được Tư Mã
sống" ra đời từ câu chuyện này.



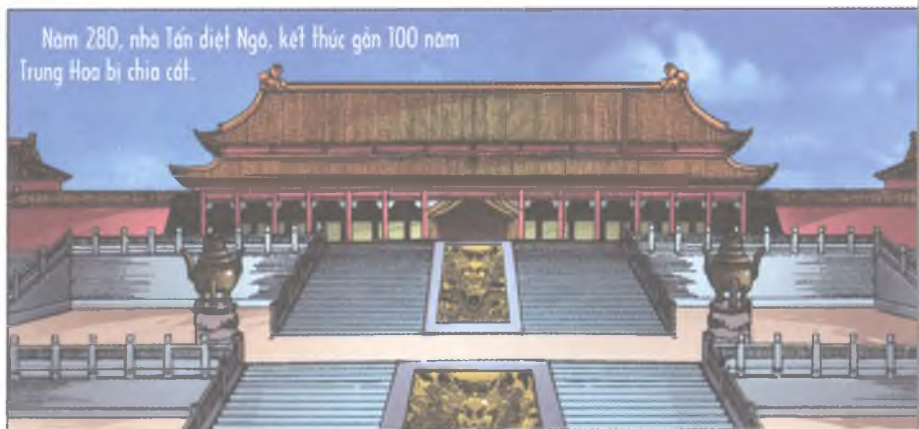
NHÂN VẬT LỪNG LẦY
NHƯ GIA CÁT LƯỢNG
MẤT ĐI, E RẰNG THỜI
ĐẠI NÀY SẼ NHANH
CHÓNG KẾT THÚC
THỜI.



Không lâu sau,
Tư Mã Ý cũng biết
được chân tướng...



Năm 263, nước Thục bị nước Ngụy tiêu diệt.
Hai năm sau, cháu của Lưu Mã Ý là Lưu Mã Viêm
sởn ngôi vua, tự xưng đế, lập ra nhà Tấn.



Năm 280, nhà Tấn diệt Ngô, kết thúc gần 100 năm
Trung Hoa bị chia cắt.



TRUYỆN NGƯỜI OA VÀ NƯỚC YAMATAIKOKU (TÀ MÃ ĐÀI)

Theo "Truyện Đông Di thuộc Ngụy Sách, Tam Quốc chí" có ghi chép lại rằng vào thế kỉ thứ 3, phương Đông có một nước là Yamataikoku (Tà Mã Đài). Nước này thống lĩnh cả 30 tiểu quốc khác. Người đời sau suy đoán đây là những tiểu quốc thuộc nơi nào đó ở Nhật Bản thời cổ.

Theo sử sách, một vị nữ vương tên là Himiko đã phái sứ thần tới cầu kiến nhà Ngụy và Ngụy Đế đã phong cho nữ vương này "Ấn Oa vương thân Ngụy".

Thế chân vạc Tam Quốc

Cuối đời Đông Hán, hai thế lực lớn trong triều là hoạn quan và ngoại thích* lộng hành, thao túng triều cương, nền chính trị hủ bại thối nát, đất đai bị cướp đoạt, thuế khóa nặng nề, xã hội hỗn loạn, dân chúng lầm than, mâu thuẫn giữa các tầng lớp trong xã hội ngày càng gay gắt, những cuộc nổi dậy tự phát của nông dân liên miên không dứt. Năm 184, Trương Giác lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của nông dân với khẩu hiệu: "Trời xanh đã tận, Hoàng Thiên lên thay, nhằm năm Giáp Tý, thiên hạ thái bình", nhận được sự ủng hộ nhiệt thành của dân chúng. Hán Linh Đế hoang mang tột độ, diều động và tập hợp binh mã tinh nhuệ các nơi để bao vây tận căn cứ của nghĩa quân Khăn Vàng, cường hào các nơi cũng ra sức phối hợp để dập tắt và trấn áp cuộc khởi nghĩa. Cuộc khởi nghĩa Khăn Vàng cuối cùng cũng bị dập tắt trong bể máu, nhưng nó là đòn đánh chí mạng giáng vào triều đình Đông Hán.

Trong khoảng thời gian dài dập tắt ngọn lửa khởi nghĩa của nông dân, các thế lực cường hào lớn mạnh không ngừng, trong đó có những tên tuổi phải kể đến như Viên Thiệu, Tào Tháo,

Tôn Kiên, Lưu Bị. Năm 196, Tào Tháo lấy danh nghĩa phò tá thiên tử để hiệu triệu chư hầu. Sau đó, nhờ tài năng quân sự xuất chúng, Tào Tháo lần lượt đánh bại các thế lực cát cứ các nơi như Lã Bố, Viên Thuật, Viên Thiệu, cuối cùng thống nhất được phương Bắc. Lưu Bị dưới sự trợ giúp của Gia Cát Lượng, kiểm soát được vùng Ba Thục phía Tây Nam, còn Tôn Quyền (con trai Tôn Kiên) thì trấn giữ vùng đất Giang Nam.

Năm 220, con trai Tào Tháo là Tào Phi phế bỏ nhà Hán, lập ra nhà Ngụy, định đô ở Lạc Dương. Năm 221, Lưu Bị xưng đế ở Thành Đô, lấy danh nghĩa xây dựng lại nhà Hán, sử sách gọi là nhà Thục Hán. Năm 229, Ngô Vương Tôn Quyền xưng đế, dời đô tới Kiến Nghiệp. Sử sách gọi đây là thời kì thế chân vạc Tam Quốc.

Năm 263, nước Ngụy diệt nước Thục. Năm 265 Tư Mã Viêm lật đổ nhà Ngụy, lập ra nhà Tấn và vẫn đóng đô tại Lạc Dương.

Năm 280, nước Tấn diệt nước Ngô, kết thúc thời kì phân chia của Trung Hoa, thống nhất được giang sơn trong thời gian ngắn.

Tào Tháo tài hoa xuất chúng

Tào Tháo, tự là Mạnh Đức, là nhà chính trị và quân sự tài ba sinh đúng vào thời kì loạn lạc. Cả đời ông đã thân chinh trận mạc đến hàng chục lần. Cuối thời Đông Hán, chính trị hỗn loạn, Tào Tháo nhân cơ hội này mượn danh thiên tử để hiệu triệu chư hầu. Sau khi thu tóm quyền hành nơi triều chính, ông chỉnh đốn kỉ cương, thẳng tay diệt trừ các tệ nạn trong quan lại, thúc đẩy thực thi hàng loạt chính sách có lợi cho xã hội, thể hiện rõ tài năng chính trị kiệt xuất. Ông cũng đồng thời cho xây dựng các công trình thủy lợi, phát triển hệ thống tưới tiêu cho ruộng đồng, khiến binh cường tướng mạnh, đất nước ấm no, đây là minh chứng rõ ràng về tầm nhìn xa trông rộng hợp hẳn người thường của Tào Tháo, đặt tiền đề cho thời đại thế chân vạc Tam Quốc sau này. Ông còn viết rất nhiều tác phẩm về quân sự, đáng tiếc là bị thất truyền.

Tào Tháo không chỉ là nhà chính trị, nhà quân sự đại tài, ông còn là nhà văn, nhà thơ xuất sắc. Những tác phẩm tiêu biểu của ông là "Giới lộ hành", "Hao lí hành", "Bộ xuất Hạ Môn hành", "Quy tuy thọ", "Quan thương hải"... đều mang khí thế ngút trời và lời thơ bi tráng. Ông cũng là người đề xướng và tập hợp được những nhà thơ xuất sắc, đi đầu cho một phong cách độc đáo mà người ta gọi là văn thơ Kiến An. Do nguyên nhân chính trị và lịch sử mà người ta đánh giá thiếu công bằng với Tào Tháo, mãi cho đến giữa thế kỉ thứ 20, giới sử học mới đòi lại công bằng cho ông. Cho đến ngày nay, cùng với những nghiên cứu chuyên sâu, giới sử học đã xác định lại vị trí và vai trò lịch sử của ông, phần nhiều nghiêng về khuyến hướng công nhận Tào Tháo là một nhân vật kiệt xuất với những công lao hiển hách trong rất nhiều lĩnh vực.

*Người thân của họ ngoại nhà vua như họ hàng của hoàng hậu, hoàng thái hậu.



Tôn Kiên

Tôn Kiên (155 – 191), tự Văn Đài, là cha của Tôn Sách và Tôn Quyền. Ông có công phụ giúp triều đình dẹp loạn Khăn Vàng.

Năm 190, Đổng Trác tiếm quyền xưng bá Kinh sư, Tôn Kiên hưởng ứng lời hịch của Tào Tháo, cùng thảo phạt Đổng Trác. Trong 14 chư hầu, đội quân của Tôn Kiên mạnh mẽ, uy phong nhất. Ông dẫn quân tiên phong quyết chiến với thủ hạ của Đổng Trác là tướng Hoa Hùng. Do Viên Thuật không tiếp ứng lương thảo nên Tôn Kiên bị Hoa Hùng lên đột kích doanh trại, tướng Tổ Mạo dưới quyền ông hi sinh. Nhưng ông đã kịp thời điều chỉnh quân dưới trướng, tổ chức phản công, đánh chiếm tới tận thành Lạc Dương, đánh bại quân Đổng Trác, chiếm Lạc Dương, tự mình giành được ngọc ấn.

Năm 191, Viên Thuật hẹn Tôn Kiên cùng hợp binh đánh Lưu Biểu ở Tương Dương, nhưng Tôn Kiên trúng phải mai phục của tướng Hoàng Tổ, bị trúng tên mà chết.

Quan Vũ trung dũng vô song

Quan Vũ người huyện Giải, Hà Đông (nay thuộc tỉnh Sơn Tây, Trung Quốc), là một danh tướng nổi tiếng của nước Thục thời Tam Quốc. Ông và Trương Phi đã sớm theo Lưu Bị vào sinh ra tử, Nam chinh Bắc chiến. Có một quãng thời gian do bại trận nên ông bị Tào Tháo giam lỏng trong doanh trại. Trong trận Quan Đổ, ông đã chém đầu đại tướng Nhan Lương của Viên Thiệu ngay trước mặt vạn quân, giải vây cho thành Bạch Mã, báo đáp ân tình của Tào Tháo, sau đó ra đi. Chính sự dũng mãnh và hành động trọng nghĩa khí này khiến cho người đời sau ca ngợi không ngớt. Ông theo Lưu Bị chinh phạt nhiều nơi, là người có công hiển lớn lao cho sự nghiệp thiết lập và củng cố nhà Thục Hán. Nhưng ông đã quá khinh suất để cho Lã Mông đoạt mất Kinh Châu, rồi thảm bại ở Mạch Thành, bị tướng nhà Ngô xử trảm.

Trong tiểu thuyết “Tam Quốc diễn nghĩa” của La Quán Trung đời nhà Minh, hình ảnh Quan Vũ được tạo dựng là nhân vật anh hùng trọng tình trọng nghĩa. Lòng trung và dũng khí hơn người của Quan Vũ khắc ghi trong lòng người đọc và được ca tụng mãi về sau.

Lưu Bị

Lưu Bị là quân vương khai quốc của nhà Thục Hán thời kì Tam Quốc, lấy hiệu là Hán Chiêu Liệt Đế.

Theo sử sách ghi chép lại, Lưu Bị là con cháu dòng dõi Trung Sơn Tĩnh Vương Lưu Thắng nhà Tây Hán. Tuy cha mất từ nhỏ, gia cảnh bần hàn, nhưng ông là người có chí lớn, tính tình thâm trầm, vui buồn không thể hiện qua nét mặt. Thiếu thời ông phải mưu sinh bằng nghề bán giày cỏ và đan chiếu trúc, ông thích kết giao với các anh hùng hiệp nghĩa, có thâm giao với Quan Vũ và Trương Phi. Quan Vũ và Trương Phi cả đời trợ giúp Lưu Bị thống lĩnh quân sĩ dưới quyền, bảo vệ tính mạng cho người huynh đệ kết nghĩa vườn đào này. Sau này Lưu Bị còn kết giao được với Triệu Tử Long... Tất cả họ đều là người ủng hộ Lưu Bị xưng bá Thục Hán.

Cuối đời Đông Hán, thiên hạ đại loạn, Lưu Bị được sự trợ giúp của những người như Quan Vũ, Trương Phi đẩy binh cát cứ một phương. Lưu Bị là người biết nhìn người, sau khi mới được Gia Cát Lượng, ông luôn nghe theo những kế sách của Gia Cát tiên sinh, dần dần hùng cứ đất Thục, tạo ra cục diện thế chân vạc với nước Ngụy và nước Ngô.

Năm 221, Lưu Bị xưng đế, lấy quốc hiệu Hán, định đô ở Thành Đô. Sau này do cả Quan Vũ và Trương Phi đều chết, Lưu Bị quyết chiến với nước Ngô, nhưng trận nào cũng thua. Đến năm 223, ông qua đời ở thành Bạch Đế do bị bệnh nặng.

Mãnh tướng Trương Phi

Trương Phi, tự Dục Đức, người quận Trác (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), là danh tướng nổi tiếng nước Thục thời Tam Quốc. Trương Phi vốn là đồng hương của Lưu Bị, cả đời vào sinh ra tử bên nhau, tiếng tăm lừng lẫy nhờ trận chiến Trảng Bàng, Đường Dương. Ông hùng dũng cầm xà mâu đứng ở đầu cầu, khiến cho quân Tào vạn người mà không ai dám tiến lên giao đấu, chặn hậu ngăn quân Tào, giúp Lưu Bị chạy thoát. Sau này ông chinh chiến khắp nơi, dũng cảm thiện chiến, chỉ huy quyết đoán, được mệnh danh là mãnh tướng Trương Phi. Ông cũng là công thần có công xây đắp nên nhà Thục Hán. Tuy nhiên Trương Phi khi say rượu không thể làm chủ bản thân, coi thường xương máu binh sĩ, hay dùng đòn roi với kẻ dưới. Cũng chính vì nhược điểm này mà sau một lần say rượu ông đã bị thuộc hạ giết chết, thủ cấp bị đưa tới nước Ngô. Trong “Tam Quốc diễn nghĩa”, Trương Phi thô kệch nhưng cũng có lúc tinh tế tài hoa, tính tình thẳng thắn bộc trực, gây ấn tượng tốt đẹp trong lòng bạn đọc.

Triệu Tử Long gan dạ khó bì

Triệu Vân, tự là Tử Long, là người vùng Thường Sơn (nay là huyện Chính Định, tỉnh Hà Bắc, Trung Quốc), là một danh tướng nước Thục thời Tam Quốc, từng đánh bại rất nhiều mãnh tướng của các nước. Năm 208, trận ở Trảng Bàng, Đường Dương chính là trận chiến lưu danh sử xanh của Triệu Tử Long. Lúc đó, Tào Tháo Nam chinh, truy kích Lưu Bị. Triệu Tử Long nhiều lần vào tận doanh trại quân Tào để cứu vợ con Lưu Bị là Cam phu nhân, My phu nhân và Lưu Thiện (tức A Đầu), ông tả xung hữu đột phá vây, giết vô kể quân tướng của Tào Tháo.

Gia Cát Lượng rất coi trọng Triệu Tử Long từ đầu song toàn. Khi Lưu Bị tới nước Ngô kết thân với họ Tôn, Gia Cát Lượng yên tâm gửi gắm việc bảo vệ Lưu Bị cho Triệu Vân. Triệu Vân không phụ sự ủy thác của Gia Cát Lượng.

Năm 219, Hoàng Trung bị tướng Ngụy là Từ Hoảng vây khốn, Triệu Vân tới tiếp ứng, chém đầu tướng Ngụy là Tiểu Bình, xông vào trung vây của quân Tào, khiến cho Trương Cáp, Từ Hoảng phải lui binh, cứu được Hoàng Trung, quân Tào sợ mất mặt không ai dám ngăn. Tào Tháo còn phải kinh ngạc mà thốt lên rằng: “Hỗ tướng trận Đường Dương năm xưa nay vẫn uy phong!”

Sau này trong trận chiến trên sông Hán Thủy, Triệu Vân khiến quân Tào khiếp đảm, chiếm được cả doanh trại quân Tào, Lưu Bị phải khen ngợi là “Tử Long quả thật gan dạ khó bì!”, sau này ông được gọi là “Hỗ uy tướng quân”.

Cả cuộc đời Triệu Vân tung hoành ngang dọc, anh hùng cái thế, cuộc đời không gặp bất trắc, kết thúc có hậu.



Loạn đảng Đồng Trác

Đồng Trác vốn lập thân từ việc trấn áp người dân tộc Khương ở Tây Bắc và dẹp tan khởi nghĩa Khăn Vàng, được Hà Tiến mời vào cung để áp chế thế lực của hoạn quan. Trước khi ông dẫn quân vào thành, trong cung nhà Hán đã diễn ra cuộc chiến nảy lửa giữa hoạn quan và ngoại thích, Hà Tiến bị giết, cuộc chiến coi như có hồi kết. Ban đầu Đồng Trác định rút quân về, nhưng khi thấy cả hai phe hoạn quan và ngoại thích đều thương vong vô số, sẵn lòng tham, ông nảy ý định nhân cơ hội này tranh quyền với Viên Thiệu.

Tuy chỉ mang theo 3.000 binh mã, nhưng Đồng Trác đã diễn một vở kịch che mắt thế gian: Ông cho quân sĩ đóng đại bản doanh ở ngoài thành Lạc Dương, ban sáng dâng hoàng đế quân vào thành Lạc Dương, tới tối lại lên rút quân ra... Cứ như thế, vở kịch lừa gạt ông diễn đi diễn lại mấy lần mà không bị ai phát hiện. Mọi người đều lầm tưởng quân chỉ viện cho Đồng Trác hùng hậu, dối đảo nên không ai dám kháng cự, ngay cả những tướng trước đây theo Hà Tiến nay như rắn mất đầu cũng tới xin nương nhờ Đồng Trác. Đồng Trác đúng là mưu sâu, dùng kế dối lừa che mắt mọi người không chỉ một lần.

Sau khi nắm được quyền binh, Đồng Trác muốn phế hoàng đế, nên nói với Viên Thiệu rằng: “Hán Linh Đế hôn quân ngu dốt, mới lập Lưu Biện làm Thiệu Đế. Nay ta định lập Lưu Hiệp làm vua, ý ngài thế nào?” Viên Thiệu trả lời: “Hoàng đế tuổi còn nhỏ, đương nhiên khó tránh khỏi những hành vi không đúng mực, nếu phế con của chính thất lập con của thứ phi, e rằng thiên hạ không phục. “Đồng Trác nghe xong, tức giận lời đỉnh, rút kiếm rồi lớn tiếng với Viên Thiệu. Viên Thiệu quay đầu đi khỏi, sau đó từ quan, dẫn binh về Ký Châu để tránh bị Đồng Trác báo thù.

Không lâu sau, Đồng Trác uy hiếp Hà thái hậu, phế Thiệu Đế Lưu Biện, lập Lưu Hiệp làm đế, còn mình giữ chức tướng quốc, vẫn vỗ cả triều đình bị ông kiểm soát, không ai dám ho he nữa lời.

Sau đó, Đồng Trác đầu độc Hà thái hậu, ngay năm sau, tức năm 190, Lưu Biện cũng bị đầu độc... Kinh thành Lạc Dương vì thế mà rơi vào hỗn loạn, nhiều nhượng, chủ hầu các nơi đều bất bình với thói ngang tàng tiếm quyền của Đồng Trác nên đã lập ra liên minh Quan Đông chư hầu, thảo phạt Đồng Trác, tiến cử Viên Thiệu làm minh chủ của liên minh.



Tôn Quyền lúc hưng thịnh khi suy tàn

Tôn Quyền, tự Trọng Mưu người Phú Xuân, quận Ngô, từ thuở nhỏ đã xuất chúng bạt quân, tính tình hào sảng, khoan dung độ lượng, nhân nghĩa quyết đoán, làm nên sự nghiệp khi còn trẻ tuổi. Tôn Quyền rất giỏi dùng người, ông nắm rõ ưu khuyết điểm của từng thuộc hạ, ông không cầu toàn mà biết cách phát huy thế mạnh của thuộc hạ, nắm được đạo lý thâm sâu của thuật dùng người: “Đã dùng thì không nên nghi kỵ.” Từ lúc kết liên minh với Lưu Bị tới khi xưng đế Đông Ngô, Tôn Quyền đều tỏ rõ chí hướng đời trời đập đất và tầm nhìn xa trông rộng. Tuy nhiên, sau khi xưng đế, ông lại ngày càng bảo thủ, mất hẳn ý chí đập bằng trời đất tranh bá thiên hạ, chỉ khư khư ôm lấy đất Giang Đông. Những năm cuối đời, Tôn Quyền càng kém minh mẫn, nghe lời phỉnh nịnh gièm pha, dù sau đó hối hận nhưng cũng đã muộn.

Gia Cát Lượng nhân cách đa chiều

Gia Cát Lượng, tự là Khổng Minh, hiệu là Ngọa Long tiên sinh, là công thần nước Thục thời Tam Quốc. Trong sử sách, ông là mẫu hình lí tưởng tu thân tề gia trị quốc, có tư tưởng trung quân ái quốc. Người đời ca ngợi ông là người biết “cầm quân công thủ là lâu dài, còn dùng mưu kế chỉ là trước mắt”. Khi chỉ huy binh sĩ, ông giành thắng lợi chủ yếu nhờ vào tố chất của binh sĩ và chiến thuật, ít khi dùng mưu kế thâm hiểm. Nhưng trong tiểu thuyết “Tam Quốc diễn nghĩa”, Gia Cát Lượng được khắc họa là người đa mưu túc trí, là hóa thân của trí tuệ, không chỉ tính toán thần diệu, mà còn có thể hô phong hoán vũ, thậm chí Lỗ Tấn* phải thốt lên: “Gia Cát đa mưu diệu kế như quỷ thần”.

Hai hình ảnh, hai nhân cách, người đời phần nhiều thích Gia Cát Lượng mang màu sắc thần diệu, để rồi sau đó sản sinh ra rất nhiều hiện tượng văn hóa có liên quan tới huyền thoại Gia Cát Lượng.

Chu Du và võ song toàn

Chu Du, tự Công Cẩn, người huyện Thục, quận Lư Giang, là nhà quân sự tài ba thời Tam Quốc. Ông xuất thân trong gia đình gia thế, văn võ song toàn, phong lưu nho nhã, từng phò giúp Tôn Sách đứng vững trên đất Giang Đông. Sau khi Tôn Sách mất, ông lại trợ giúp Tôn Quyền lập nên nghiệp lớn. Tài năng của ông nổi bật trong trận chiến Xích Bích, chia thiên hạ thành thế chân vạc. Đáng tiếc ông bị trúng tên trên đường chinh phạt Ích Châu khi mới 36 tuổi. Còn trong tiểu thuyết “Tam Quốc diễn nghĩa”, cái chết của Chu Du là do ông bị Gia Cát Lượng chọc tức mà học máu.



* Nhà văn nổi tiếng Trung Quốc.

Sau khi Lưu Biểu chết, thứ tử Lưu Tông kế nhiệm làm thứ sử Kinh Châu. Tào Tháo xuất quân tấn công Kinh Châu, Lưu Tông thế yếu không thể kháng cự, hơn nữa lại cảnh giác Lưu Bị, sợ rằng nếu trọng dụng Lưu Bị, mai này sẽ bị tiếm quyền. Sau khi xem xét nặng nhẹ, Lưu Tông quyết định cậy nhờ Tào Tháo. Trước khi lâm chung, Lưu Biểu có dặn dò nhờ Lưu Bị phò tá Lưu Tông, do sợ Lưu Bị phản đối mình đầu hàng Tào Tháo, nên Lưu Tông đã giữ kín chuyện này.

Lưu Bị khi đó đang trấn giữ Phàn Thành, chỉ cách nơi Lưu Tông sống một con sông. Mãi về sau Lưu Bị mới phát hiện Lưu Tông đã quy hàng quân Tào. Ông nổi giận lôi đình, nhưng tự lượng sức mình không thể chống đỡ được quân Tào nên đã tháo chạy tới Giang Lăng, nơi đây là căn cứ thủy quân của Kinh Châu, cũng là kho quân tư lớn. Nếu giữ được Giang Lăng thì còn có cơ hội quyết chiến với quân Tào.

Trước khi Tào Tháo chinh phạt Kinh Châu, tướng Lữ Túc đã khuyên Tôn Quyền ở Giang Đông rằng nên thảo phạt Lưu Biểu và làm chủ Trường Giang, rồi lấy đó làm bàn đạp dựng nghiệp bá đế vương, đoạt cả thiên hạ. Nhưng khi nghe tin đại quân Tào Tháo tấn công Kinh Châu, còn Lưu Biểu bị chết bệnh, Lữ Túc thấy thời cơ đã đến, nên tự mình tới Kinh Châu để dò la thực hư ra sao.

Khi nghe tin Lưu Tông đã đầu hàng Tào Tháo, ông đoán rằng Lưu Bị nhất định sẽ rút về Giang Lăng, nên ngày đêm thúc ngựa đuổi theo. Còn Lưu Bị thì đang định bụng tới Thương Ngô nương nhờ thái thú Ngô Cự. Lữ Túc đuổi kịp Lưu Bị và khuyên ông rằng: Đất Thương Ngô xa xôi hiểm trở, thái thú Ngô Cự lại thế mỏng lực yếu, chi bằng liên minh với Tôn tướng quân. Tôn Quyền vốn trọng dụng nhân tài, anh hùng Giang Đông đều quy thuận, có trong tay cả sáu quận, binh sĩ tinh nhuệ, lương thảo dồi dào, bắt tay liên minh sẽ thành nghiệp lớn.

Lời mời gọi của Lữ Túc vừa đúng với kế sách "Long Trung đối sách" mà Gia Cát Lượng đã vạch ra cho Lưu Bị. Lưu Bị vui mừng khôn xiết hợp thủy quân với Quan Vũ, tới tháng 10 cùng năm rút quân về Hạ Khẩu, nơi Tôn Quyền đang chiếm lĩnh, rồi tiến quân tới Phàn Khẩu, bước đầu kết mối liên minh Tôn - Lưu.



Trận Xích Bích

Để binh sĩ phương Bắc không quen với thủy chiến khỏi bị say sóng, Tào Tháo ra lệnh cho nối các chiến thuyền lại với nhau bằng xích sắt cho thuyền khỏi chòng chành, tạo ra "doanh trại" trên sông nước, phòng bị quân địch đánh lén. Đúng là cách này rất hiệu quả, quân sĩ đi lại như trên đất bằng, nhưng chiến thuyền không còn linh hoạt. Hoàng Cái sau khi thám thính biết được tin đã báo về, và đề xuất dùng lửa tấn công. Chu Du đồng ý. Để đánh lừa Tào Tháo, Chu Du lệnh cho Hoàng Cái bí mật viết thư đầu hàng Tào Tháo. Tào Tháo tin ngay vì từ trước tới giờ đã nhiều lần gặp những tướng sĩ không đánh mà hàng, vì vậy coi thường 30.000 quân ít ỏi của Chu Du, không hề phòng bị gì.

Khi Hoàng Cái viết thư xin hàng là lúc trời lạnh giá, gió Tây Bắc thổi, nhưng hôm đó lại nổi gió Đông Nam, hơn nữa gió rất mạnh. Trên bờ Bắc sông Trường Giang, binh sĩ của Tào Tháo vẫn đợi Hoàng Cái ra hàng trên chiến thuyền

xích sắt. Họ không ngờ Hoàng Cái từ bờ Nam sông Trường Giang đã đốt cháy 10 chiếc thuyền cỏ được tẩm dầu. Lúc ấy, 10 chiếc thuyền lửa cháy ngùn ngụt, thêm vào đó là gió mạnh thổi tới, mau chóng thiêu đốt thủy trại quân Tào. Cả bờ Bắc Trường Giang biến thành biển lửa. Chu Du dẫn theo quân được trang bị gọn nhẹ trên chiến thuyền tới nơi, khua chiêng gõ trống, vang dậy đất trời.

Tào Tháo dẫn đám tàn quân chạy về phía Tây, trên đường thương vong vô số, lại bị Lưu Bị, Chu Du đuổi riết. Tào Tháo mạng lớn, may mắn chạy qua đường Hoa Dung về tới đô thành Hứa Xương.

Xét về quy mô, Xích Bích chưa phải là trận đại chiến nhưng lại có ý nghĩa vô cùng quan trọng, bởi vì đã ngăn được dã tâm và mưu đồ thống nhất thiên hạ của Tào Tháo, sau đó hình thành cục diện thế chân vạc. Có thể nói Tào Tháo đã phải trả một cái giá quá đắt vì khinh thường đối phương.

Tư Mã Ý

Tư Mã Ý, tự Trọng Đạt, là người huyện Ôn, xuất thân trong một gia đình hào bá Đông Hán.

Năm 208, ông được Tào Tháo cho giữ chức văn học dụện.

Năm 217, Tư Mã Ý giữ chức thái tử trung thứ tử, cùng với Trần Quần, Ngô Chấn và Chu Lạc, Tào Phi thăm giao, là nhân vật tâm phúc của Tào Phi.

Năm 220, Tào Phi phế bỏ nhà Hán, lập nhà Ngụy, Tư Mã Ý nhậm chức trưởng sử ở phủ thừa tướng, vừa giữ chức đốc quân ngự sử trung thừa.

Năm 226, Tào Duệ nối ngôi, Tư Mã Ý thống lĩnh cấm quân, lại nhậm chức phiêu kỵ đại tướng quân, đô đốc quân sự hai châu Kinh Châu, Dự Châu, khởi xướng việc tấn công nhà Ngô.

Năm 239, Ngụy Minh Đế Tào Duệ băng hà, Tào Phương nối ngôi, Tư Mã Ý và Tào Sảng phụ chính.

Năm 249, Tư Mã Ý tiêu diệt Tào Sảng và phe cánh.

Vào năm sau đó, Tư Mã Ý bị bạo bệnh qua đời, hai con trai là Tư Mã Sư và Tư Mã Chiêu phụ chính.

Năm 265, cháu trai Tư Mã Ý là Tư Mã Viêm phế nhà Ngụy lập nhà Tấn, lịch sử gọi là nhà Tây Tấn. Tư Mã Ý được truy phong Tuyên Đế.



Chương 2: *Tùy Đường thống nhất Trung Hoa*

Nội dung chính:

Nhà Tùy ra đời

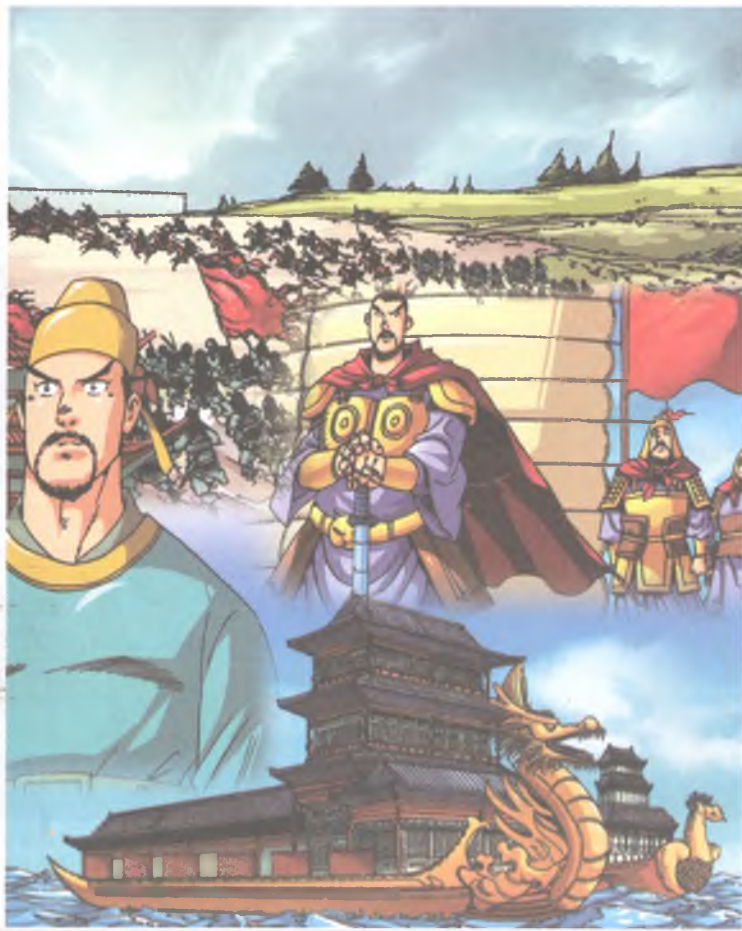
Sau khi nhà Tần được thành lập không lâu, Trung Hoa bước vào thời đại Nam Bắc triều, cuối cùng đại thần nhà Bắc Chu là Dương Kiên thay nhà Chu lập ra nhà Tùy, thống nhất Trung Hoa.

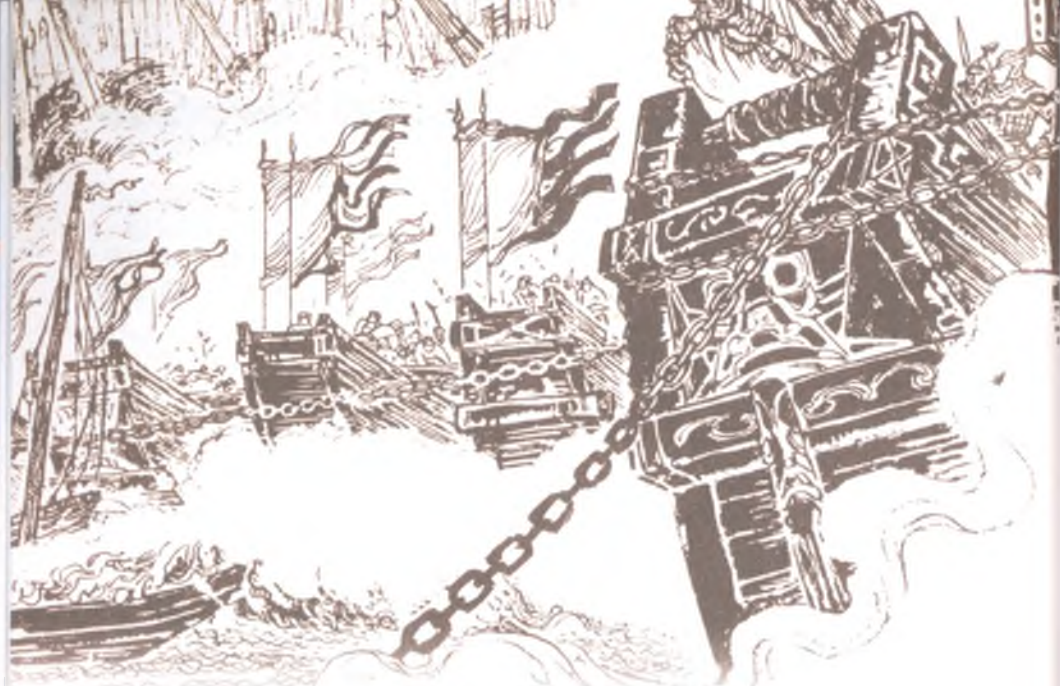
Tùy Dạng Đế hôn quân vô đạo

Con trai của Dương Kiên là Dương Quảng, sau khi lên ngôi lấy danh là Tùy Dạng Đế, là kẻ xa hoa khát máu, hoang dâm vô đạo.

Nhà Đường lập quốc

Lý Uyên là bậc thức thời hiểu đạo. Khi khắp nơi dân chúng nổi dậy chống nhà Tùy, ông bèn giương cờ khởi nghĩa, lập ra nhà Đường.





Đây là bức tranh mô tả lại cuộc chiến Xích Bích thời Tam Quốc. Quân Tào do dùng đày xích sắt nối các thuyền mà tạo ra sa hớ cho quân Ngô dùng hỏa công đánh bại.

Trúc Lâm Thất Hiền là tên dân gian gọi nhóm bảy danh sĩ thời Ngụy Tấn, Nam Bắc triều, gồm: Nguyễn Tịch, Kê Khang, Lưu Linh, Sơn Đào, Hướng Tú, Vương Nhung, Nguyễn Hàm. Họ không cầu nệ lễ tiết, mà đề cao cuộc sống thanh bạch, thuần khiết.

Rhà Tù ra đời

Cuối thời Tam Quốc, các văn nhân mặc khách trốn tránh chiến tranh, ẩn cư ở nơi non nước xa xôi, không màng thế sự, chỉ chuyên tâm vào huyền học mệnh lý.





* Sau khi Tư Mã Viêm, vị vua khai quốc cho nhà Tấn qua đời, quyền lực rơi vào tay Giả hoàng hậu, châm ngòi cho chiến loạn giữa tám vị vương họ Tư Mã, huynh đệ tương tàn kéo dài hơn 16 năm.

** Các bộ tộc này được gọi chung là người Hồ.





* Sau khi Trường An thất thủ, một trong những dòng dõi tôn thất nhà Tấn là Tư Mã Dục xưng Tấn Vương, năm sau lên ngôi đế vương tại Kiến Khang, hiệu là Tấn Nguyên Đế. Nhà Tấn sau đó được gọi là nhà Đông Tấn.



Sau đó không lâu, tộc Tiên Ti cũng xây dựng một quốc gia riêng, chính là Bắc Ngụy. Thế lực dân lớn mạnh, đến thời Thái Vũ Đế cuối cùng cũng chấm dứt giao tranh, thống nhất phương Bắc.



Thời Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế thực hiện chế độ quân điền*



Từ năm 439, sau khi Bắc Ngụy thống nhất phương Bắc, các vương triều tiếp đó là Bắc Ngụy, Đông Ngụy, Tây Ngụy, Bắc Tề, Bắc Chu thay nhau thống trị phương Bắc. Cùng lúc đó phương Nam do các triều Lưu Tống, Nam Tề, Lương, Trần lần lượt nắm giữ.



Thần Ngưu Phú trong mộ thất Bắc Tề ở Sơn Tây ▶

*Để chấm dứt việc độc chiếm đất đai của các phú hào, Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế đã lập ra hộ khẩu, chia ruộng đất theo nhân khẩu. Ruộng đất cày cấy được chia thành tang điền và lộ điền. Mỗi người con trai trên 15 tuổi được nhận 40 mẫu lộ điền, phụ nữ được chia 20 mẫu, sau khi chết phải trả lại ruộng.





* Vốn là đại thần triều Bắc Chu. Năm 575, Dương Kiên diệt Bắc Tề, trở nên độc quyền và làm khuyh đảo triều chính.







Năm 588, nhà Tùy đưa quân tấn công nhà Trần.



Năm sau, nhà Tùy diệt nhà Trần, thống nhất toàn bộ Trung Hoa, kết thúc lịch sử phân chia Nam Bắc hơn 270 năm từ thời Tây Tấn.



CUNG ĐIỆN
PHƯƠNG NAM
QUÁ LÀ MỊ LỆ.

NHƯNG QUÁ
XA XỈ, CÓ
CẦN PHẢI VẬY
KHÔNG?



VĂN HÓA
PHƯƠNG NAM
RẤT HUY HOÀNG,
NHƯNG CŨNG
CHÍNH DO SỰ XA
HOA ĐÃ DẪN TỚI
ĐẤT NƯỚC DIỆT
VONG.



TA KHÔNG CHỈ
BẰNG LÒNG VỚI
VIỆC THỐNG
NHẤT NAM
BẮC...



CHÚNG TA
CẦN LẤY ĐÂY
LÀM BÀI HỌC,
NHẮC NHỞ
BẢN THÂN.

DƯƠNG QUẢNG



Dương Quảng hận mất thấy triều đình phương Nam diệt vong, nhưng lại không đúc rút được bài học để rèn dạy mình. Sau này, hắn trở thành Tùy Dạng Đế.





Tùy Dạng Đế hôn quân vô đạo

CÁC ÁI KHANH
NGHE ĐÂY!

Năm 604, Tùy Văn Đế băng hà,
Đường Quảng kế vị, chính là Tùy Dạng Đế.

TA MUỐN ĐẠI TÙY
TRỞ THÀNH TRIỀU ĐẠI
VĨ ĐẠI NHẤT TRONG
LỊCH SỬ. ĐẦU TIÊN TA
MUỐN MỞ MỘT KÊNH
ĐÀO NỐI HAI MIỀN
NAM BẮC.

SAU KHI KÊNH ĐẠI
VẠN HÀ LƯU THÔNG,
KHÔNG CHỈ CÓ LỢI
CHO GIAO THÔNG NAM
BẮC, MÀ CÒN ĐỂ BỀ
CHO CHÚNG TA THÔNG
TRỊ PHƯƠNG NAM.



Năm 605, Đại Văn Đế
bắt đầu khởi công, huy động
hàng triệu nhân công.



KÊNH ĐÀO
NÀY NỐI LIÊN
HOANG HÀ
VÀ TRƯỜNG
GIANG.

SAU NÀY,
CÓ THỂ VẬN
CHUYỂN ĐỒ
NÔNG SẢN TỪ
PHƯƠNG NAM
LÊN PHÍA BẮC.
THỀ THÌ HAY
QUÁ!



ĐÀO KÊNH LÀ VIỆC
NÊN LÀM NHƯNG CHIẾN
TRANH VỮA KẾT THÚC,
CHÚNG TA CẦN CẮT
CÂY, SỬA SANG
NHÀ CỬA.

ĐÚNG
THỀ!



LÀM TỬ TÊ
VÀO! CẬM
NÓI CHUYỆN
RIÊNG!

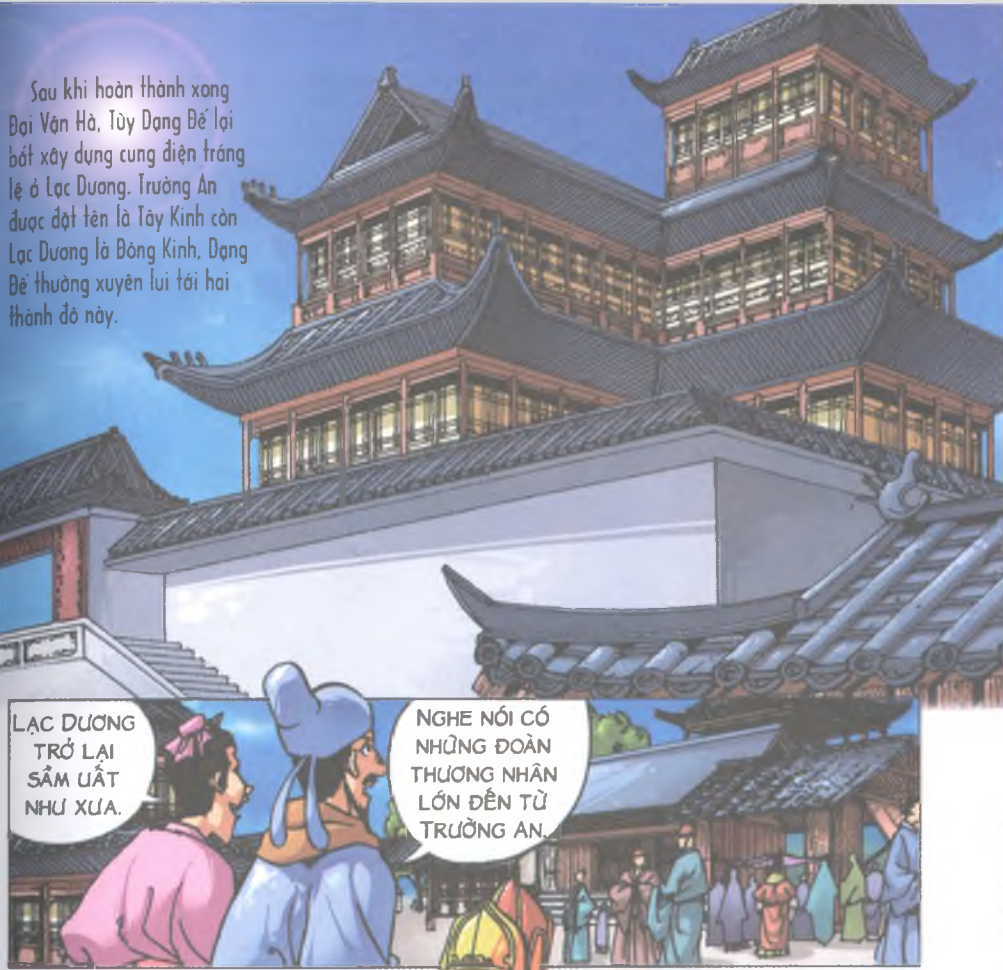


Đám lễ hội được thực hiện theo nghi thức truyền thống, với sự tham gia của đông đảo nhân dân địa phương và du khách. Lễ hội được tổ chức vào dịp đầu xuân, thu hút hàng ngàn người dân và du khách tham gia. Lễ hội được tổ chức vào dịp đầu xuân, thu hút hàng ngàn người dân và du khách tham gia.





Sau khi hoàn thành xong Đại Văn Hà, Tùy Dạng Đế lại bắt xây dựng cung điện tráng lệ ở Lạc Dương. Trường An được đặt tên là Tây Kinh còn Lạc Dương là Đông Kinh. Dạng Đế thường xuyên lui tới hai thành đô này.



LẠC DƯƠNG
TRỞ LẠI
SẦM UẤT
NHƯ XƯA.

NGHE NÓI CÓ
NHỮNG ĐOÀN
THƯƠNG NHÂN
LỚN ĐẾN TỪ
TRƯỜNG AN.

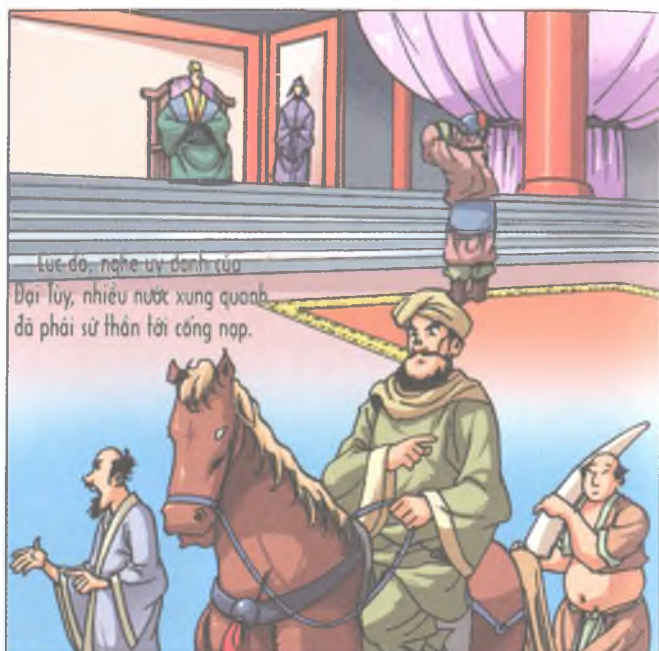


ĐẠI TÙY ĐÃ
LÀ CƯỜNG QUỐC
ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ.

TÀ MUỐN UY DANH
CỦA NHÀ TÙY VANG
XA, CHÂN ĐỘNG
BỐN BẾ.



BỆ HẠ, CÁC
NƯỚC CHU HẦU
PHƯƠNG BẮC
PHẢI SỬ GIẢ TỚI
CẦU KIẾN.



Lưu-đạo, nghe uy danh của
Đại-lý, nhiều nước xung quanh
đã phái sứ thần tới cống nạp.



Năm 607, Nhật-Bản
cung phái sứ thần tới.

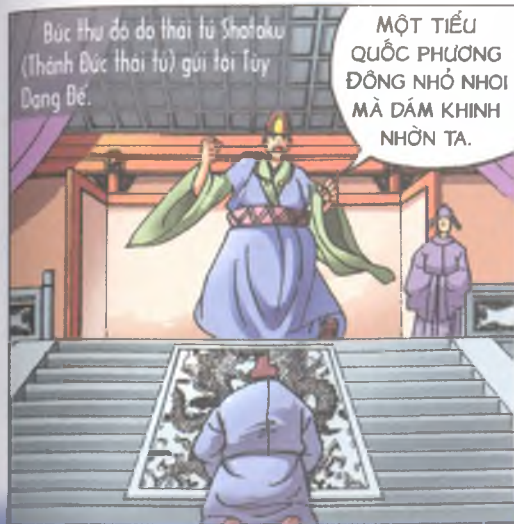


ĐÂY LÀ
GÌ?

ĐẠI VƯƠNG
CỦA CHÚNG THẦN
GỬI LÁ THƯ NÀY
CHO BỆ HẠ.

THIÊN TỬ ĐẮT NƯỚC
MẶT TRỜI MỘC GỬI
THƯ, KHÔNG BIẾT
THIÊN TỬ ĐẮT NƯỚC
MẶT TRỜI LẶN CÓ
ĐƯỢC AN KHANG
KHÔNG?





Khi đó bán đảo Triều Tiên gồm ba nước lớn là Cao Ly, Tân La và Bách Tế. Nước Cao Ly nằm ở phía Bắc thời đó lớn mạnh nhất, tự xưng là Hảo Thái Vương*, chống lại nhà Tùy.



THÁI TỬ SHOTOKU VÀ SỨ THẦN

Năm 593, thiên hoàng Suika lên ngôi hoàng đế Nhật Bản, lập cháu ngoại làm hoàng thái tử, chính là thái tử Shotoku. Năm sau đó, thái tử Shotoku phò tá thiên hoàng Suiko, nhiếp chính trong triều.

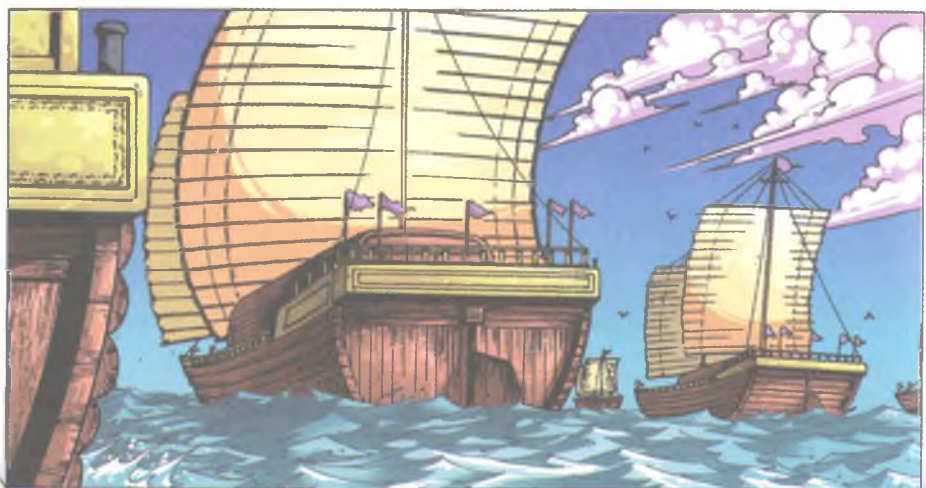
Ông sắp xếp các triều thần vào vị trí phù hợp với năng lực của từng người, cho ban bố 17 đạo sắc lệnh, được coi như bản hiến pháp, quy định cả quan lại lẫn dân chúng phải tuân theo. Năm 607, ông sai phái sứ thần tới Trung Hoa để đặt quan hệ giao hảo.

Năm sau đó, Tùy Dạng Đế lệnh cho Bùi Thế Thanh cùng sứ thần về Nhật Bản để đáp lễ. Giao lưu giữa hai nước càng ngày càng sâu đậm.



*Là vua đời thứ 19 của nước Cao Ly.





ĐÁNH BẠI
QUÂN TÙY!

GIẾT! GIẾT!
GIẾT!

Năm 612, Tùy Dạng Đế phát động
dân quân tới tấn công Cao Ly.

CHÚNG
TA BẠI
RỒI SAO?

Doanh trại quân Tùy

BỆ HẠ
LUI BÌNH
THÔI!



LŨ NHẤT GAN,
LỖI CHÚNG
XUÔNG CHẬT
ĐẦU.



HỪ...

BỌN
CAO LY CỨ
CHỜ ĐÓ MÀ
XEM!



LẦN THÂN
CHÍNH NÀY,
TRẮM QUYẾT
PHẢI THẮNG.



Năm tiếp theo, tuy
Dung Đế lại đơn quân
bình phò Cao Ly.

Giới

ĐÁNH CAO
LY ĐỂ LÀM
GÌ CỜ CHÚ?

CHÚNG TA ĐÀO
NGŨ THÔI.





Lần viễn chinh
này có rất nhiều
binh sĩ bỏ trốn.



TÊN HOÀNG ĐẾ
DƯƠNG QUẢNG
CÒN SỐNG NGÀY
NÀO THÌ NGÀY
ĐÓ CHÚNG TA
CÒN KHỔ SỢ.

HÃY ĐỨNG
LÊN ĐÁP ĐÓ
BẠO CHÚA
DƯƠNG
QUẢNG.

Tình hình trong nước...

ĐÁP ĐÓ
TÊN HỒN QUÂN!



Tuy Dạng Đế bắt sưu cao thuế nặng để có tiền
chinh phạt Cao Ly, khiến cho lòng dân phản uất,
liên tiếp xảy ra khởi nghĩa.

GIẾT! GIẾT!







Năm 616, Tùy Dạng Đế dọc theo Đại Vận Hà ngao du
tới Giang Đô nên đã cho đóng mới nhiều thuyền rồng.



Nhà Đường lập quốc

Trong nhiều đạo quân nổi dậy chống nhà Tùy, thế lực của Lý Uyên mạnh nhất.

PHỤ THÂN, BÂY GIỜ ĐÃ LÀ LÚC LẬT ĐỔ NHÀ TÙY.

LÝ KIẾN THẠNH

LÝ THẾ DÂN

Hành cung của Lý Uyên

LÝ UYÊN

NHÀ TÙY HÀNH ĐỘNG NGANG NGƯỢC ĐÚNG LÀ VẬN SỞ ĐÃ TẬN.

CHÚNG TA LẬP TỨC TẤN CÔNG TRƯỜNG AN.

Năm 617, Lý Uyên dẫn đại quân người ngựa, ào ào tiến về Trường An. Tháng 11 cùng năm, cuối cùng cũng công phá được Trường An. Lý Uyên lập Dương Hựu còn nhỏ tuổi làm hoàng đế (hức Tùy Cung Đế), định đô ở Trường An.





Năm 618, Tùy Dạng Đế chết ở
uỷen cung tại Giang Đô, thọ 50 tuổi.







Sau đó con thứ của Đường Cao Tổ là Lý Thế Dân tiếp tục bình định chiến loạn khắp nơi, cuối cùng thống nhất giang sơn.



Năm 630, sau khi Đổng Đột Quyết bị tiêu diệt, các nước Tây Vực đều phải xưng thần với Hoàng đế triều kiến Đường Thái Tông.

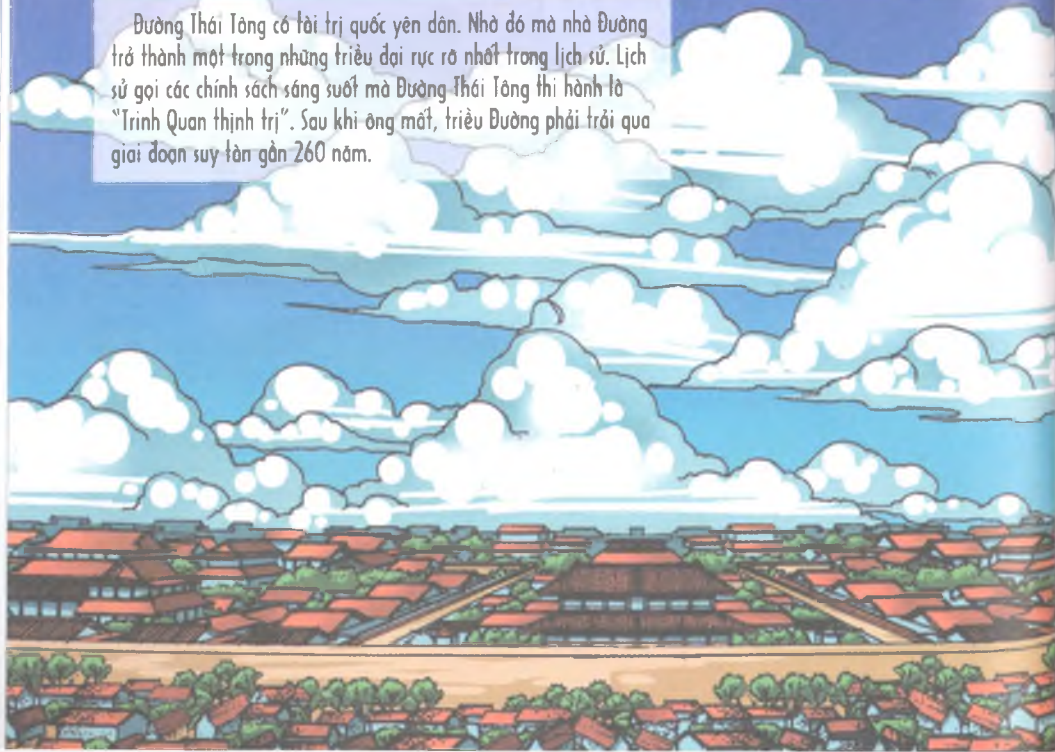
CHÚNG THẦN
ĐỀU TÔN BỆ
HẠ LÀM "ĐẠI
KHẢ HÂN".

ĐẠI KHẢ
HÂN?

ĐẠI KHẢ HÂN
CÓ NGHĨA LÀ
HOÀNG ĐẾ KHẮP
THIÊN HẠ.

CHỈ CÓ
BỆ HẠ MỚI
XỨNG ĐÁNG VỚI
TÔN XỨNG ĐÓ.

Đường Thái Tông có tài trị quốc yên dân. Nhờ đó mà nhà Đường trở thành một trong những triều đại rực rỡ nhất trong lịch sử. Lịch sử gọi các chính sách sáng suốt mà Đường Thái Tông thi hành là "Trình Quan thịnh trị". Sau khi ông mất, triều Đường phải trải qua giai đoạn suy tàn gần 260 năm.



Nhà Tùy thống nhất và nhà Đường lập quốc

Nhà Tây Tấn chỉ có thể thống nhất Trung Hoa trong khoảng thời gian ngắn ngủi. Do nền chính trị thối nát, người Hung Nô mà dẫn đầu là Lưu Uyên đẩy binh và tiêu diệt nhà Tây Tấn năm 316.

Năm 317, Tư Mã Duệ xây dựng lại nhà Tấn tại Kiến Khang, bình định vùng Giang Nam, lịch sử gọi là Đông Tấn. Năm 383, Tiền Tần sau khi thống nhất phương Bắc đã phát động tấn công phương Nam. Cuộc chiến Phì Thủy diễn ra ác liệt, kết quả là Đông Tấn lấy ít thắng nhiều. Tiền Tần sau khi bại trận, phương Bắc tan rã, hình thành thế đối nghịch giữa Bắc và Nam.

Năm 420, đại tướng Đông Tấn Lưu Dụ đoạt ngôi xưng đế, đặt quốc hiệu là Tống, nhà Ngô diệt vong. Sau đó, bốn triều đại Lưu Tống, Nam Tề, Lương, Trần lần lượt thay nhau thống trị phương Nam, lịch sử gọi đây là Nam triều. Mặc dù phương Nam tình hình rối ren, bất ổn nhưng so với phương Bắc còn ổn định hơn, kinh tế cũng phát triển nhanh hơn. Phương Bắc đã hòa hợp được dân tộc dưới sự cai trị của Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế. Liên sau Bắc Tề là bốn triều đại Đông Ngụy, Tây Ngụy, Bắc Tề, Bắc Chu, sử sách gọi là Bắc triều. Hai thế lực Bắc Nam đối lập nhau trong thời gian dài.

Năm 581, Dương Kiên đoạt được quyền lực tối cao, lập ra nhà Tùy. Năm 589, nhà Tùy diệt nhà Trần, thống nhất giang sơn, kết thúc cục diện dài hơn 279 năm phân chia Nam Bắc từ sau khi nhà Tây Tấn suy vong. Nhà Tùy kiến quốc đặt nền móng cho thời đại nhà Đường thịnh trị. Sau khi lập quốc, nhà Tùy thi hành chế độ tam tỉnh lục bộ và chế độ khoa cử, cùng lúc đó giảm sưu thuế, phát triển sản xuất, nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp đều có những bước phát triển nhanh chóng. Thời Tùy còn cho xây kênh đào Đại Vận Hà, xây dựng lại Lạc Dương vốn bị Đông Trác thiêu trụi từ cuối đời Đông Hán.

Cùng với sự phát triển của kinh tế, giai cấp phong kiến thống trị bắt đầu ngày càng mục ruỗng, đặc biệt là vào đời Tùy Dạng Đế. Tùy Dạng Đế cho xây dựng hàng loạt công trình kiến trúc, thường xuyên tuần du Giang Nam, lạm dụng quân lính bữa bãi, nhân dân đói khổ chỉ biết kêu trời. Cuối cùng nhà Tùy cũng bị khởi nghĩa nông dân lật đổ.

Năm 618, Lý Uyên xưng đế, lập ra nhà Đường, định đô tại Trường An. Lúc này lịch sử Trung Hoa mới chính thức bước vào thời đại mới phồn thịnh.

Dân ca Nam Bắc triều

Thời Nam Bắc triều cũng giống như nhà Hán, lập ra cơ quan chuyên biệt quản lí âm nhạc, gọi là nhạc phủ.

Dân ca của nhạc phủ Nam triều thu thập phần lớn dân ca còn được lưu giữ trong Thanh Thương Khúc. Thanh Thương Khúc là những khúc nhạc dân dã thời cổ, rất nhiều dân ca thường phối nhạc khúc này để biểu diễn. Thanh Thương Khúc của Nam triều được chia ra làm nhiều loại, trong đó quan trọng nhất là Ngô Thanh Ca Khúc và Tây Khúc Ca, các bài dân ca đa phần thuộc hai loại này. Các loại dân ca hầu hết phản ánh sinh hoạt nơi thành hoa đô hội, hoàn toàn khác với dân ca nhạc phủ triều Hán chủ yếu phản ánh cuộc sống vùng thôn quê bình dị.

Dân ca nhạc phủ Bắc triều đa phần còn được gìn giữ trong Hoành Xuy Khúc. Hoành Xuy Khúc là âm nhạc dùng trong quân đội, thường hùng dũng và bi tráng, vì thế phong cách khác hẳn với nhạc phủ phương Nam.

Hai miền Nam Bắc hình thành thế lực đối lập, nhưng vẫn có sự giao lưu văn hóa. Ngô Thanh và Tây Khúc của Nam triều được truyền bá vào Bắc triều vào thời Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế và Tuyên Vũ Đế, trở thành một trong những hình thức giải trí mà tầng lớp thượng lưu Bắc triều yêu thích.

Số lượng dân ca nhạc phủ Bắc triều ít hơn nhiều so với dân ca Nam triều, nhưng nội dung phong phú hơn. Chúng phản ánh muôn mặt cuộc sống, chứ không đơn điệu như Ngô Thanh hay Tây Khúc. Có thể xem đó là những ghi chép cuộc sống của người dân du mục, thể hiện tinh cách thẳng thắn cương trực của dân phương Bắc, đồng thời mang hơi hướng cảnh sắc và đất đai phong tục nơi đây.

Dân ca nhạc phủ Nam Bắc triều mở ra một con đường mới cho những tứ thơ ngũ ngôn, thất ngôn tuyệt cú.



Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế

Bắc Ngụy Hiếu Văn Đế tên húy là Thác Bạt Hoành, là con trai trưởng của Hiến Văn Đế, sinh năm 467, đăng cơ năm 471, tự mình điều hành chính sự năm 490.

Sau khi chấp chính, ông tiếp tục đẩy mạnh những chính sách cải cách của Phùng thái hậu, còn bất chấp ý kiến số đông quần thần để dời đô về Lạc Dương, rồi sau đó thực hiện một loạt cải cách. Đầu tiên là cải cách về tập quán, như thay đổi họ tên, tự đổi họ cho mình từ Thác Bạt thành Nguyên, lấy tên là Hoành. Hơn nữa còn ra chiếu nhấn mạnh rằng, người dân tộc Tiên Ti chỉ có thể kết hôn với những gia đình dòng dõi người Hán, cấm ăn mặc và sử dụng ngôn ngữ Tiên Ti. Thứ hai là cải cách kinh tế, chủ yếu tiếp tục thực hiện chế độ quân điền mà Phùng thái hậu để ra, chỉnh đốn lại hệ thống quan lại nườm rà phức tạp giữa người Hồ và người Hán, xây dựng cả một cơ cấu tổ chức từ trung ương tới

địa phương. Ông còn cải cách luật, bỏ đi những hình phạt tra tấn dã man trong luật cũ.

Thông qua cải cách, nền thống trị vốn mang màu sắc dân tộc đã dần chuyển sang hình thức cai trị kiểu Hán hóa, nhờ đó mà dung hòa được các mâu thuẫn dân tộc, nền thống trị của Bắc Ngụy được củng cố vững mạnh.



Cải cách của Tùy Văn Đế

Từ sau Nam Bắc triều, cục diện chính trị hỗn loạn, bất lợi cho việc cai trị.

Năm 583, Tùy Văn Đế áp dụng một loạt các kiến nghị của binh bộ thượng thư Dương Thượng Hi. Ông tiến hành cải cách theo phương châm “Muốn không diệt vong, khuyết nhược cần bỏ. Sức ta tuy nhỏ, đoàn kết khắc nên”, thay đổi diện mạo “Quan nhiều quân dân ít, chín người chôn mười đê”. Ông ra lệnh bãi chế độ các quận và chia các địa phương thành châu và huyện (Thời Tùy Văn Đế đổi châu thành quận), lập ra các chức thích sử châu và huyện lệnh.

Sau khi phân cấp châu huyện, thích sử châu tương đương với thái thú quận trước đây. Thích sử nhà Tùy ngoài các châu ở vùng biên cương, còn lại đều chỉ quản việc dân sinh, không nắm quân quyền, điều này có lợi cho chính quyền trung ương.

Để tăng cường quản lý và kiểm soát quan lại địa phương, Tùy Văn Đế quy định quan địa phương cửu phẩm trở lên đều do Sử bộ của



triều đình bãi miễn hay phong chức, hằng năm đều phải cần được Sử bộ sát hạch, quan lại không được nhậm chức tại chính địa phương, mỗi nhiệm kỳ chỉ kéo dài ba năm. Chính những cải cách này đã giảm thiểu quyền hành của quan lại châu huyện, tăng cường sự kiểm soát của trung ương với địa phương.

Tùy Văn Đế còn quy định, khi nhậm chức, không được mang theo cha mẹ và con trai trên 15 tuổi, đây cũng là biện pháp kiểm soát gắt gao quan lại địa phương.

Cải cách của Tùy Văn Đế khiến trung ương đầu não lớn mạnh, còn quyền lực ở địa phương suy yếu, củng cố nền thống nhất của nước nhà. Những chế độ và quy định này đã được nhà Đường áp dụng theo.

Tam tỉnh lục bộ

Tùy Văn Đế phế bỏ chế độ lục quan của Bắc Chu, kết hợp với chế độ quan lại của hai triều Hán, Ngụy. Triều đình thiết lập tam sư, tam công, ngũ tỉnh (gồm nội sử, môn hạ, thượng thư, bí thư, nội thị). Dưới thượng thư tỉnh là lục bộ gồm Sử, Lễ, Công, Binh, Hộ quan (sau này là Hình bộ), Độ chi (sau này là Hộ bộ). Tam sư, tam công, là những phẩm hàm được trọng vọng, nhưng không nắm quyền chính. Tam tỉnh (nội sử, môn hạ, thượng thư) cùng lục bộ mới nắm quyền điều hành xử lý việc quốc gia đại sự, người ta gọi đó là chế độ tam tỉnh lục bộ.

Quan đứng đầu tam tỉnh: nội sử tỉnh có hai nội sử lệnh, môn hạ tỉnh gồm hai nạp ngôn, thượng thư tỉnh gồm hai thượng thư lệnh và tả hữu bộc xạ mỗi chức một người. Nội sử tỉnh có trách nhiệm khởi thảo chiếu lệnh, đề ra các quyết sách; môn hạ tỉnh có vai trò phân biện và kiểm tra, là cơ quan thẩm định tấu chiếu;

thượng thư tỉnh là cơ quan hành pháp, thực hiện quyết sách, lục bộ bên dưới xử lý các công việc thường ngày, các viên quan đứng đầu lục bộ gọi là thượng thư.

Tùy Văn Đế lập ra tam tỉnh lục bộ, phân rõ quyền hạn cho tam tỉnh nắm quyền lực trung ương, quan đứng đầu tam tỉnh là tể tướng. Tam tỉnh lần lượt giữ vai trò khởi thảo, thẩm duyệt và thực hiện. Tam tỉnh ràng buộc nhau, bổ sung cho nhau, cùng phò tá hoàng đế.

Tam tỉnh lục bộ thể hiện rõ việc tăng cường tập quyền trung ương, có ảnh hưởng sâu sắc đến thể chế chính trị của nhà Đường sau này, đặc biệt là lục bộ được áp dụng cho tới cuối đời nhà Thanh.



Tùy Văn Đế giản dị, yêu dân

Tùy Văn Đế sống rất tiết kiệm. Thời đó, những móc treo màn, treo trường đều được làm từ bạc trắng, đại thần Tô Uy nói với Tùy Văn Đế rằng: "Tiết kiệm là đức tính tốt từ xưa đến nay. Dùng móc treo màn, treo trường bằng bạc quá xa xỉ, xin bệ hạ hãy cho chấn chỉnh lại." Tùy Văn Đế bèn nghe theo: "Ái khanh nói rất đúng, ta không chú ý đến việc này, không chỉ là cái móc mà toàn bộ đồ dùng trong cung nếu lãng phí đều cần thay đổi."

Có lần, thái tử Dương Dũng mặc một bộ giáp oai phong, Tùy Văn Đế thấy vậy không vui, nói rằng: "Những bậc đế vương trước kia nếu chỉ để ý tới ăn mặc thì không thể an bang trị quốc. Con thân là thái tử, sao lại xao nhãng chuyện quốc gia đại sự, để tâm vào mấy chuyện ăn vận, chơi bời?"

Tính tiết kiệm của Tùy Văn Đế làm gương cho tất cả xã hội thời bấy giờ. Những thư sinh đọc sách cũng chỉ mặc áo vải lanh, không mặc lụa là gấm vóc, những đồ trang sức đi kèm chỉ làm

từ đồng, xương thú hay sừng trâu, chứ không dùng vàng bạc, ngọc ngà.

Có năm, vùng Quan Trung xảy ra hạn hán, Tùy Văn Đế phái người đi xem bách tính ăn uống, sinh sống ra sao. Người đó trở về và nói với ông rằng dân chúng chỉ ăn cám gạo. Tùy Văn Đế thấy vậy rung rung nước mắt, nói với các đại thần: "Bách tính phải ăn đói, mặc rét là do ta kém cỏi. Từ nay ta sẽ không ăn thịt, không uống rượu nữa." Ròng rã hơn một năm sau đó, Tùy Văn Đế không uống một ngụm rượu, không ăn một miếng thịt nào.

Cùng lúc đó, Lạc Dương mùa màng bội thu, Tùy Văn Đế đích thân dẫn theo bách tính Quan Trung tới Lạc Dương để tránh nạn đói. Tùy Văn Đế sống tiết kiệm giản dị, thấu hiểu nỗi khổ của dân chúng, là một vị hoàng đế hiếm có trong lịch sử.



Dương Quảng bày mưu tính kế tranh làm thái tử

Dương Quảng là con thứ của Tùy Văn Đế, rất thông minh nhanh nhẹn, tài năng xuất chúng, nhóm ngó ngai vàng từ lâu, từng bước tính kế cẩn thận chu toàn. Hắn giả vờ mình là người tiết kiệm, không màng tới ăn uống hưởng lạc, rất hiếu lễ nghĩa, đối nghịch với thái tử Dương Dũng vốn sống tùy tiện, vì vậy rất được lòng Tùy Văn Đế và Văn Hiến hoàng hậu.

Dương Quảng khi ấy còn kéo bè cánh với quyền thần Dương Tố, để người này nói tốt cho mình và bôi xấu thái tử Dương Dũng trước mặt hoàng đế. Dần dần, cả hoàng đế và hoàng hậu đều xa lánh thái tử, huynh đệ dè chừng, chỉ muốn ăn tươi nuốt sống nhau, Dương Dũng rơi vào thế cô lập. Để tránh bị phế truất, Dương Dũng đánh liều tìm cách vớt vát bằng ma thuật. Tùy Văn Đế biết được bèn phái Dương Tố tới kiểm tra. Dương Tố về bẩm báo rằng thái tử trong lòng ôm hận, xin Tùy Văn Đế nên cẩn thận để phòng bất trắc. Văn Hiến hoàng hậu tìm đủ mọi cách moi móc thông tin bất lợi cho thái tử, rót vào tai Tùy Văn Đế chuyện phế thái tử.

Tùy Văn Đế vốn rất yêu thương thái tử nhưng do nghe nhiều lời nói khích bác, mua dấm thắm lâu nên cuối cùng cũng lập Dương Quảng làm thái tử.

Tùy Dạng Đế xây cất hoàng phi

Tùy Dạng Đế lên ngôi vua không bao lâu bèn cho xây dựng lại Lạc Dương. Công trình này kéo dài một năm ròng, mỗi tháng có tới 2 triệu thợ phải phu dịch. Tất cả các khối đá tinh xảo, hoa thẹn cỏ lạ khắp nơi đều được tập kết để tồn tạo Lạc Dương.

Tùy Dạng Đế còn chuyển hàng vạn hộ dân và các hộ phú thương vào Lạc Dương, để cho cảnh sắc nơi này sầm uất nào nhiệt.

Tùy Dạng Đế lại cho xây dựng Tây Uyển ở phía Tây Lạc Dương. Tây Uyển rộng hơn 200 dặm, bèn trong cho đào đất làm biển nhân tạo, trên đó cho xây cất ba ngọn núi trong truyền thuyết là Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu, cho xây đắp đỉnh đài lầu gác trên núi... vô cùng tráng lệ. Không chỉ có thế, vào mùa hoa cỏ lụi tàn, Dạng Đế còn cho cất hoa lá bằng lụa màu để trang trí, ngay cả trong hồ cũng có những bông sen bằng tơ lụa, thế nên kể cả vào mùa đông, Tây Uyển vẫn rực rỡ sắc màu.

Vì việc xây dựng quy mô lớn nên hao tổn sức người và của cải của dân chúng, quốc khố trống rỗng nên dân chúng ai oán.



Tùy Dạng Đế xây dựng sông đào Đại Vận Hà

Không chỉ xây dựng cung điện ở khắp mọi nơi, Tùy Dạng Đế còn thích ngao du sơn thủy, tuần thú. Tại vị 15 năm, nhưng Dạng Đế ở Trường An chưa đầy một năm.

Năm 605, Dạng Đế hạ lệnh xây dựng kênh đào Đại Vận Hà. Đại Vận Hà phía Bắc kéo tới tận Bắc Kinh ngày nay, phía Nam tới Chiết Giang, Hàng Châu. Hệ thống kênh đào này đảm bảo cung cấp lương thực cho Lạc Dương, cần thiết cho chiến lược quân sự, hơn nữa cũng thỏa mãn thú vui tuần thú Giang Nam của Tùy Dạng Đế. Nhưng của cải bỏ ra để thực hiện hầu hết lấy từ việc trưng thu ngang ngược, đem tới gánh nặng đè lên vai người dân. Vì thế các nhà sử học đều đánh giá có khen có chê với việc xây dựng Đại Vận Hà.

Những thế lực phản Tùy

Giai cấp thống trị nhà Tùy dần bị chia cắt trước sức tấn công như vũ bão của các cuộc khởi nghĩa nông dân với ba thế lực chủ yếu: quân Ngõa Cương, quân của Đậu Kiến Đức ở Hà Bắc và Đổ Phục Uy ở Giang Hoài. Tướng quân, quan chức của các địa phương cũng lần lượt dấy binh: Năm 617 Lương Sư Đồ tại Sóc Phương; Lưu Vũ Chu ở Mã Ấp; Tiết Cử ở Kim Thành; Lý Uyên ở Thái Nguyên; Lý Quỹ chiếm Hà Tây; Tiêu Tiển ở Ba Lăng đánh chiếm Lương Hồ. Các thế lực đều nhằm nhe tranh quyền làm chủ Trung Nguyên, giành lấy địa bàn rộng lớn mà nhà Tùy vừa mới tuột khỏi tay.

Chiến trận thời khai quốc nhà Đường

Khi nhà Đường lập quốc, các thế lực và phe cánh vẫn tiếp tục tranh giành lẫn nhau. Lúc đó uy hiếp nhà Đường chủ yếu có Tiết Cử, Lý Quỹ, Lưu Vũ Chu, khu vực Trung Nguyên còn có hai phe mạnh là Vương Thế Sung và Đậu Kiến Đức. Ngoài ra còn hàng loạt cuộc khởi nghĩa khác, có thể nói là khó khăn muôn trùng.

Tháng 6 năm 618 Lý Thế Dân dẫn quân Đường tấn công Tiết Cử ở Kim Thành, Tiết Cử chết, con là Tiết Nhân Cảo bại trận đầu hàng, quân Đường chiếm được Lũng Hữu.

Tháng 5 năm 619, nhà Đường dùng kế phản gián để bắt Lý Quỹ làm tù binh, không tốn một binh sĩ nào mà vẫn lấy được Hà Tây.

Khi Lý Uyên đánh vào Quan Trung, Lưu Vũ Chu cầu kết với Đột Quyết định tấn công Thái Nguyên, xua quân tới tận Hà Đông. Năm 620, Lý Thế Dân dẫn quân phản kích, tiêu diệt Lưu Vũ Chu.

Lúc đó quân Ngõa Cương cũng tan rã, hầu hết các quận huyện ở Sơn Đông đã đầu hàng nhà Đường, La Nghệ ở U Châu cũng quy thuận nhà Đường.

Tháng 7 năm 620, Lý Thế Dân dẫn quân tấn công Lạc Dương, Vương Thế Sung cầu viện Đậu

Kiến Đức. Tháng 2 năm 621, Đậu Kiến Đức dẫn quân cứu viện tới quyết chiến sống mái với Lý Thế Dân tại Hồ Lao. Tháng 5, Lý Thế Dân đánh bại Đậu Kiến Đức, bảy ngày sau Vương Thế Sung xin hàng.

Tháng 9 năm 621, quân Đường chiếm được Lương Hồ của Tiêu Tiển. Tiêu Tiển đầu hàng ở Giang Lăng, không lâu sau, các vùng đất ở Lĩnh Nam cũng quy thuận.

Đổ Phục Uy ở Giang Hoài đã sớm đầu hàng. Năm 622, ông được di li về Trường An. Bộ tướng của Phục Uy là Phụ Công Thạch dấy binh làm phản vào tháng 8 năm 623, nhưng ngay năm sau đã bị trấn áp.

Năm 623, quân Đường còn trấn áp quân khởi nghĩa của Lưu Hắc Thát ở Hà Bắc. Viên Lương cát cứ Lỗ Nam và Cao Khai Đạo cát cứ Dục Bắc cũng lần lượt bại vong. Nhà Đường đã chiếm gọn cả Hà Nam, Hà Bắc, Sơn Đông.

Lương Sư Đồ dựa vào sự che chở của giới quý tộc Đột Quyết mới cát cứ được Sóc Châu. Vào năm 628, Đường Thái Tông dẫn binh tấn công và tiêu diệt Lương Sư Đồ. Nhà Đường thống nhất cả Trung Hoa.



Đường Cao Tổ Lý Uyên tuy là hoàng đế nhưng những người cầm quân giành lại thiên hạ lại là các con của ông. Trong đó, Lý Thế Dân chiến công hiển hách, có uy tín cao trong triều đình, thế lực cũng mạnh nhất. Thái tử Lý Kiến Thành và tứ hoàng tử Lý Nguyên Cát rất đố kỵ, luôn nghĩ cách ám hại. Thân tín của Lý Thế Dân đều khuyên ông nên ra tay trước để tránh bị mưu hại, cuối cùng Lý Thế Dân cũng đồng ý.

Hôm đó, Lý Thế Dân cho quân mai phục ở cửa hoàng cung Huyền Vũ Môn, thừa cơ Lý Kiến Thành và Lý Nguyên Cát đi qua sẽ ra tay giết chết. Một phi tử của Đường Cao Tổ biết chuyện bên phải người thông báo với Lý Kiến Thành. Lý Kiến Thành ngay lập tức tìm Lý Nguyên Cát để cùng tới chỗ Đường Cao Tổ tố giác Lý Thế Dân. Họ vừa đi ngựa tới điện Lâm Hồ thì phát hiện xung quanh có điều gì đó bất thường, định quay đầu trở lại.

Lúc đó, Lý Thế Dân đột nhiên chạy tới hét lớn: "Xin hoàng huynh dừng bước, đệ có lời muốn nói."

Lý Kiến Thành không nghe, Lý Nguyên Cát

bắn ba mũi tên về phía Lý Thế Dân nhưng đều không trúng.

Lý Thế Dân kinh qua trăm trận, thân thủ nhanh nhẹn, vô công lợi hại, cũng bắn một mũi tên khiến Lý Kiến Thành chết tức. Sau đó bộ tướng của Lý Thế Dân tới nơi, chặt đầu Lý Nguyên Cát.

Đường Cao Tổ đang chèo thuyền thì thủ hạ của Lý Thế Dân chạy tới bẩm báo: "Thái tử và Tể Vương làm phản, Tần Vương đã giết chết hai kẻ phản nghịch đó."

Đường Cao Tổ sợ thất thần. Sau khi trấn tĩnh lại mới nói với các đại thần: "Không ngờ lại xảy ra chuyện lớn như vậy, chúng ta nên làm sao đây?"

Các đại thần đều đồng thanh: "Kiến Thành và Nguyên Cát vốn chẳng có công lao gì, lại âm mưu hãm hại Tần Vương. Tần Vương bắt đắc dĩ mới phải ra tay. Chỉ cần bệ hạ lập Tần Vương làm thái tử, để Tần Vương lo triều chính, thiên hạ sẽ thái bình."

Đường Cao Tổ bèn lập Lý Thế Dân làm thái tử. Hai tháng sau, Lý Uyên thoái vị, Lý Thế Dân đăng cơ làm hoàng đế.

Đường Thái Tông Lý Thế Dân

Đường Thái Tông Lý Thế Dân (597 – 649), là con trai thứ của Đường Cao Tổ Lý Uyên và là hoàng đế thứ hai của nhà Đường.

Sau khi lên ngôi, ông biết đúc rút bài học từ nhà Tùy, thực hiện chính sách giảm tô thuế, giảm nhẹ hình phạt... hoàn thành chế độ quân điện, "Tô, Dung, Diếu" và binh phủ trên nền tảng của nhà Tùy trước đó, chú trọng thủy lợi, đóng vai trò tích cực cho việc phục hồi và phát triển kinh tế. Về chính trị, Đường Thái Tông tiếp tục cải tổ theo chế độ tam tỉnh lục bộ, đẩy mạnh khoa cử. Ông còn khiêm tốn nghe lời can gián, trọng dụng hiền tài, các nhân sĩ như Phòng Huyền Linh, Đỗ Như Hối, Ngụy Chính đều xuất hiện trong thời kì này. Ngoài ra ông còn nhân rộng chính sách hoà hợp dân tộc, gả Văn Thành công chúa cho vua Thổ Phồn* là Tán Phổ Tông Tán Cán Bố, và câu chuyện này đã

được người đời sau truyền tụng tán dương.

Trong thời gian Đường Thái Tông trị vì, xã hội ổn định, chính trị trong sạch, kinh tế ngày càng phồn thịnh, nên được các sử gia khen ngợi là thời "Trình Quan thịnh trị". Có điều những năm cuối đời, ông liên tục điều binh, trưng dụng thuế khóa nặng nề, đó là vết nứt nhỏ cho cả cuộc đời của một vị hoàng đế tài giỏi.

Tháng 5 năm 649, vị quân chủ vĩ đại này đã vĩnh biệt cõi đời ở tuổi 52.



* Vua của người Tây Tạng.